

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NỬA CUỐI NĂM 2024

"Cánh cửa cơ hội luôn hé mở giữa dòng chảy biến động"

Trung tâm phân tích <GO>





1 GDP tăng trưởng tích cực
Tăng trưởng **6.42% svck**



2 PMI và IIP tiếp tục khởi sắc
PMI tháng 6 đạt **54.7 điểm** cao hơn tháng 5
IIP trong 6 tháng 2024 **tăng 7.7% svck**



3 Bán lẻ và tiêu dùng phục hồi
Đạt 3,098 nghìn tỷ đồng **tăng 8.6% svck**



4 Cán cân thương mại duy trì tăng trưởng
Cán cân thương mại **thặng dư 11.6 tỷ USD**
Xuất khẩu 190.1 tỷ USD, **tăng 14.5% svck**
Nhập khẩu 178.5 tỷ USD, **tăng 17% svck**



5 Giải ngân đầu tư công còn chậm
Giải ngân 6T.2024 ước đạt 244.4 nghìn tỷ đồng
Tăng 3.5% svck, đạt 33.8% kế hoạch năm



6 Thu hút FDI tích cực
FDI đăng ký mới **15.2 tỷ USD, tăng 13.1% svck**
chủ yếu vào nhóm Công nghiệp chế tạo



7 CPI ở mức cao do giá lương thực và điện
Bình quân 6T.2024 **tăng 4.08% svck**
Lạm phát cơ bản **tăng 2.75% svck**

8



USD hạ nhiệt từ giữa năm
USD Index (DXY) **tăng 2.7% YTD**
Tỷ giá NHTM **tăng 4.3% YTD**

9



Lãi suất Interbank qua đêm tăng mạnh
ON: **4.8% từ 1.0% đầu năm, 3M: 5.3% từ 4.4% đầu năm**
Lãi suất huy động: **Tăng 40-60 bps từ tháng 4**
Tăng trưởng tín dụng **6%**

10



VN-Index tăng tích cực
VN-Index đóng cửa 28/6 tại 1,245 điểm, **+10.2% YTD**
VN30 đạt 1,278 điểm, **tăng 13.0% so với đầu năm**



Thanh khoản tăng mạnh
19,424 tỷ đồng/phiên, có phiên >40 nghìn tỷ đồng
gấp 1.4 lần bình quân phiên năm 2023

11



Đạt mốc 8 triệu tài khoản chứng khoán
6 tháng có 751,316 tài khoản mở mới, **gấp 1.8 lần cùng kỳ**
Cho vay margin 218.9 nghìn tỷ đồng, **tăng +53.4% svck**

12



Nhóm vốn hóa lớn có hiệu suất đầu tư cao nhất
Hiệu suất phân hóa giữa các nhóm ngành
Sinh lời cao nhất: Công nghệ thông tin và Bán lẻ
Sinh lời thấp: Bất động sản, Dịch vụ tài chính và Xây dựng

13



Nhà đầu tư cá nhân là lực mua chính
Cá nhân mua ròng 55,946 tỷ đồng
Khối ngoại bán ròng 52,037 tỷ đồng
ETF rút ròng hơn 15.6 nghìn tỷ đồng

TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG NỬA CUỐI NĂM 2024

Thế giới	Fed chưa giảm lãi suất sớm, rủi ro suy thoái kinh tế	Chính sách khó lường nếu Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ	ECB và nhiều NHTW hạ lãi suất	Căng thẳng địa chính trị (Nga-Ukraine, Biển Đỏ)	Giá dầu về vùng 80-85 USD/thùng	Kinh tế Trung Quốc phục hồi chậm
Việt Nam	Tăng trưởng GDP tích cực 6.5-7.0%	Lạm phát kiểm soát 4.0-4.5%	Xuất khẩu hồi phục	Giải ngân đầu tư công đạt >85%	Tiêu dùng hồi phục	Thu hút FDI
Thị trường	Lợi nhuận cả năm 12-17%YoY	Thanh khoản phiên 20,000 tỷ đồng	VN-Index kỳ vọng 1,298-1,362 điểm	Tăng trưởng tín dụng mục tiêu 15%	Lãi suất tăng (50-100 bps)	Áp lực tỷ giá hạ nhiệt

Cơ hội đầu tư	Ngành	Triển vọng	Cổ phiếu tiềm năng
	Ngân hàng	Tăng trưởng tín dụng tiếp tục tăng vào cuối năm theo sự phục hồi của sản xuất và tiêu dùng với mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì mức ổn định để hỗ trợ nền kinh tế	ACB, TCB
	Thép	Phục hồi nhờ xử lý hàng tồn kho từ các dự án hạ tầng và thị trường bất động sản ấm dần lên, Fed cắt giảm lãi suất để mở ra cơ hội cho nền kinh tế toàn cầu	HPG
	Điện	Quy hoạch điện 8 phê duyệt và nhu cầu điện gia tăng theo sự phục hồi của nền kinh tế, kết thúc El Nino (nắng nóng) chuyển sang La Nina (mưa nhiều) giúp nhóm thủy điện phục hồi	REE
	Cảng biển	Kết quả xuất nhập khẩu nửa đầu năm của Việt Nam khá tích cực, tổng sản lượng container qua các cảng phục hồi mạnh mẽ	VSC
	Dầu khí	Xu hướng chuyển đổi năng lượng xanh, sử dụng khí thiên nhiên và nhập khẩu LNG (khí thiên nhiên hóa lỏng) gia tăng, sản xuất phục hồi nhu cầu khí thiên nhiên hồi phục	CNG



VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

NHIỀU TÍN HIỆU TÍCH CỰC NỬA ĐẦU NĂM

1. Việt Nam đạt kết quả tích cực tăng trưởng kinh tế nửa đầu năm

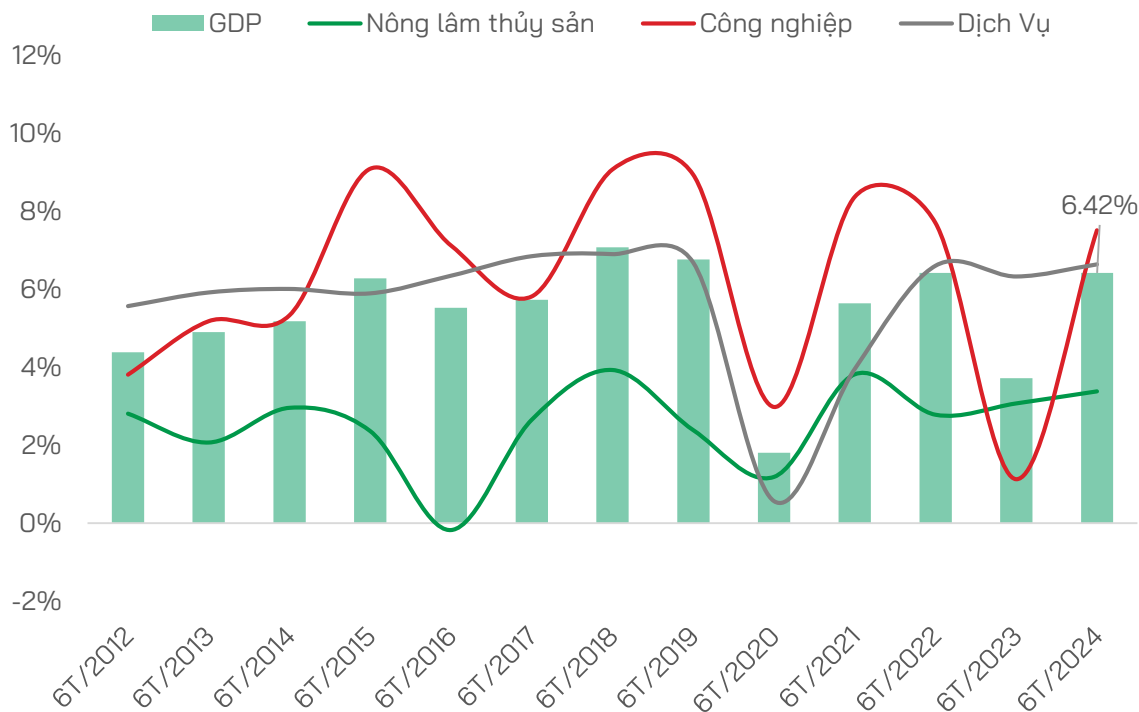
Động lực tăng trưởng từ các các trụ cột: tiêu dùng, sản xuất và xuất khẩu, và vốn đầu tư, tăng trưởng GDP 6 tháng cuối năm sẽ tiếp tục được duy trì.

Khoản mục	6T.2024	Mục tiêu năm 2024	Đánh giá cuối năm
GDP	6.42%	6.0-6.5%	Tiếp đà tăng trưởng tích cực của Quý 2/2024, khả năng đạt được mục tiêu tăng trưởng trong năm 2024 là khá cao vì các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam cũng đang phục hồi tích cực khi chính sách tiền tệ dần được nới lỏng
Sản xuất công nghiệp	7.7%	7.0-8.0%	Lĩnh vực sản xuất được cải thiện ngày càng tích cực và rõ nét hơn. Nhờ sự ổn định của dòng vốn FDI, ngành chế biến chế tạo ngày càng tăng tốc kéo theo sự phục hồi của các ngành tiện ích đi kèm như phân phối điện, cung cấp nước và xử lý rác thải
Xuất khẩu	14.5%	6.0%	Các thị trường chính của Việt Nam bắt đầu có sự phục hồi là bước đệm cho sự tăng trưởng xuất khẩu trong những tháng tới. Đồng thời, nếu Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ sẽ gia tăng chiến tranh thương mại Mỹ-Trung là cơ hội cho sản phẩm thay thế của Việt Nam
Bán lẻ	3,098 nghìn tỷ đồng, tăng 8.6%yoy		Tiêu dùng sẽ phục hồi tích cực hơn trong cuối năm nhờ các yếu tố: tăng lương cơ sở thêm 30%, tăng 15% lương hưu và giảm thuế giá trị gia tăng xuống 8% kể từ 01/07/2024. Bên cạnh đó, sự phục hồi của xuất khẩu, sản xuất, Bất động sản, du lịch và thu hút FDI tác động tích cực tới tiêu dùng
Đầu tư công	33.8%	>95% Kế hoạch	Giải ngân vẫn còn thấp trong nửa đầu năm, nhưng tỷ lệ này vẫn cao hơn so với năm 2023. Khả năng đạt kế hoạch giải ngân trong năm 2024 vẫn cao khi các thủ tục hoàn tất và lạm phát hạ nhiệt dần
FDI	FDI đăng ký 15.2 tỷ USD, tăng 13.1%yoy		Sự khởi sắc của xuất khẩu, mở rộng hợp tác của Việt Nam trên trường quốc tế và sự ổn định của tỷ giá sẽ tiếp tục thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam trong những tháng tới, đặc biệt là những tháng cuối năm khi Fed bắt đầu cắt giảm lãi suất
Lạm phát	4.08%	4.0-4.5%	CPI có thể sẽ tiếp tục tăng trong tháng 7 do tác động của yếu tố tăng lương. Tuy nhiên, kỳ vọng lạm phát sẽ hạ nhiệt ở những tháng cuối năm 2024 khi diễn biến của tỷ giá được ổn định hơn, giá dầu hạ nhiệt và tác động của yếu tố tăng lương tới lạm phát giảm dần
Tăng trưởng tín dụng	6%	15%	Sự phục hồi của nền kinh tế dẫn có chuyển biến tích cực hơn trong cuối năm, trong bối cảnh lãi suất ổn định sẽ thúc đẩy đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm
Tỷ giá	4.25%	Bình ổn 2-3%	Tỷ giá USD/VND có thể duy trì mức cao cho tới khi Fed có tín hiệu cắt giảm lãi suất và giá vàng hạ nhiệt. Tuy nhiên, xuất siêu trở lại trong tháng 6 và chỉ số DXY đang hạ nhiệt dần cũng sẽ giảm bớt áp lực đáng kể đối với tỷ giá trong thời gian tới

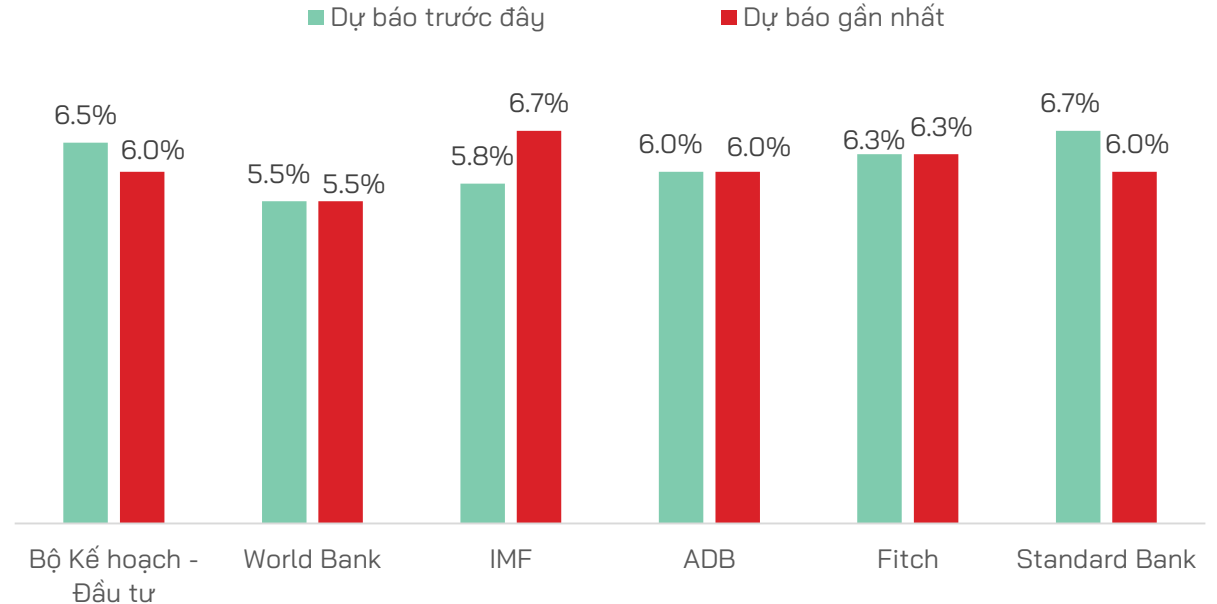
1. GDP trong 6 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng tích cực

- **GDP 6 tháng đầu năm 2024 tăng tích cực đạt 6.42%**, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6.58% của 6 tháng đầu năm 2022 nếu xét trong giai đoạn 2020-2024. Trong đó, khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 3.38%yoy, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.51%yoy, và khu vực dịch vụ tăng 6.64%yoy.
- **Hầu hết các tổ chức kinh tế đều khá lạc quan về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024.** Các tổ chức đều đưa ra mức dự báo về tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam khá tích cực, giao động từ 5.5-6.7%.

Tốc độ tăng trưởng GDP theo ngành 6 tháng 2024



Các tổ chức dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam

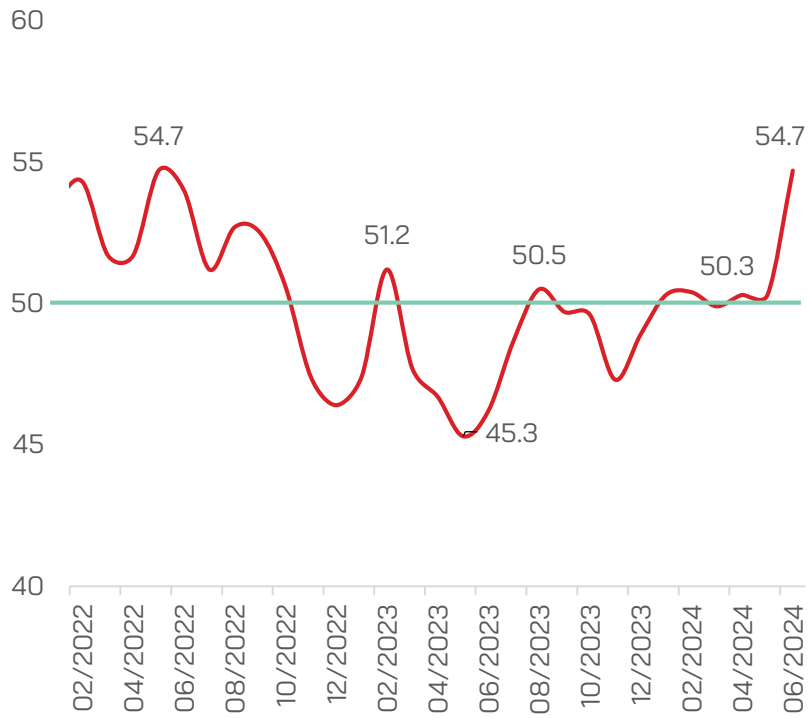


Nguồn: FiinX, WB, HDS tổng hợp

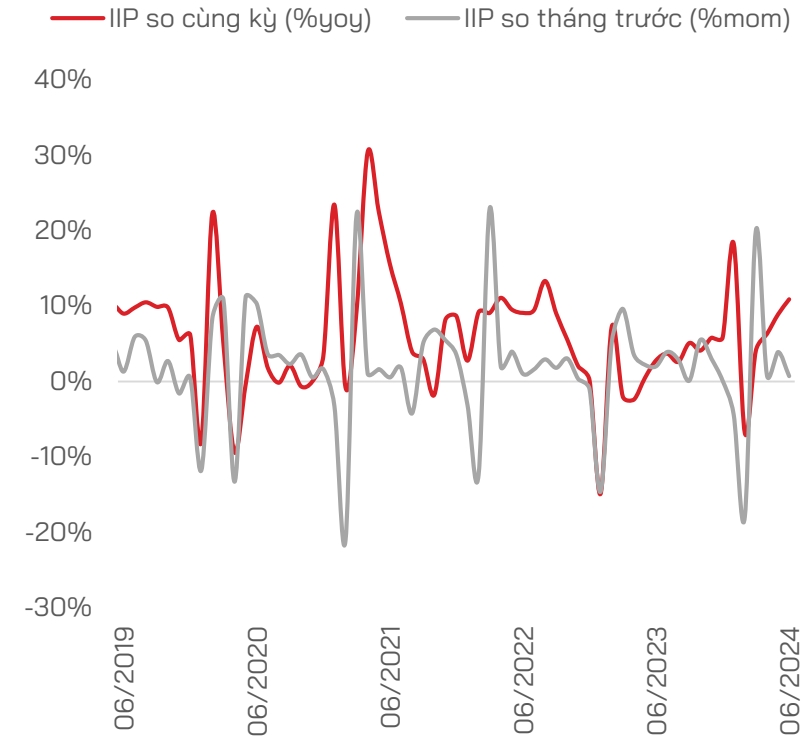
2. Các chỉ số sản xuất phục hồi

- **PMI Việt Nam tháng 6.2024 tăng mạnh** ghi nhận 54.7 điểm cao hơn so với mức 50.3 điểm trong tháng 5.2024 và mức 51.7 điểm của nhóm ASEAN-6. Đây là tín hiệu cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ trong điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất của Việt nam.
- **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong 6 tháng 2024 tăng 7.7%yoy.** Trong đó, ngành công nghiệp chế biến - chế tạo tăng 8.5%yoy, sản xuất & phân phối điện tăng 13%yoy, và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6.3%yoy, nhưng ngành khai khoáng giảm 5.5%yoy.

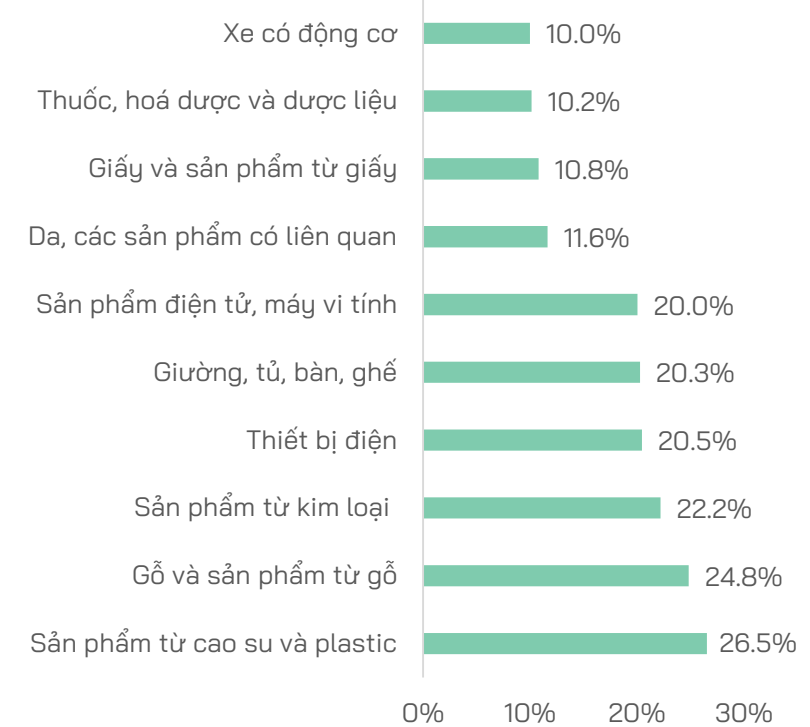
PMI Việt Nam



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)



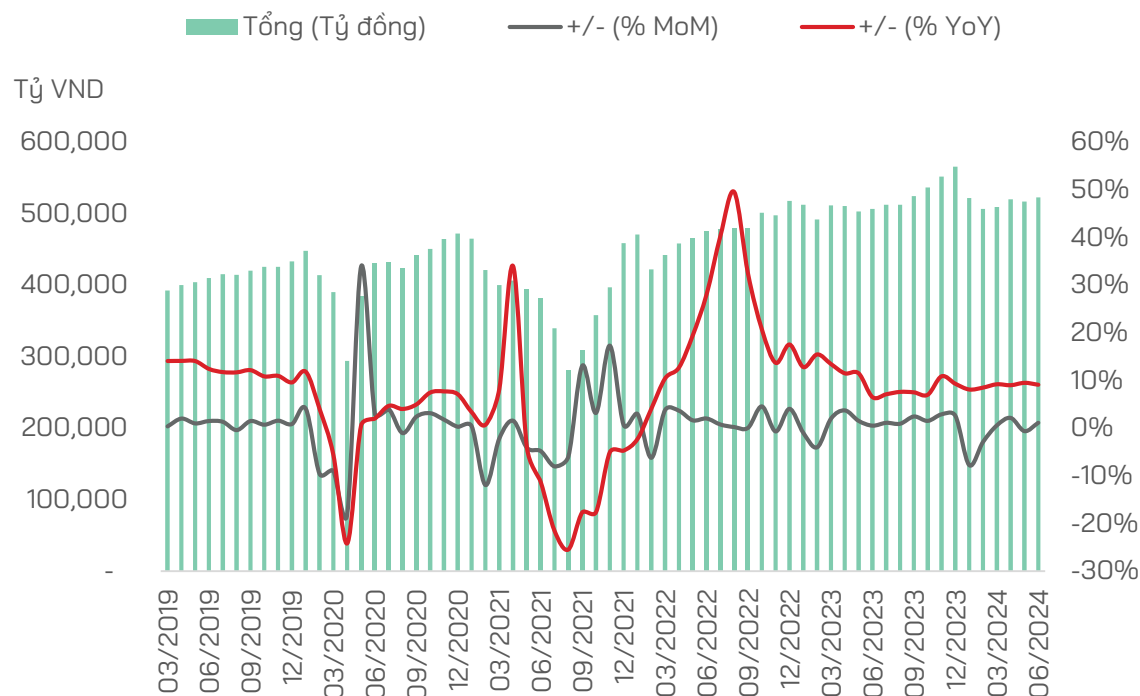
IIP một số ngành tháng 6.2024



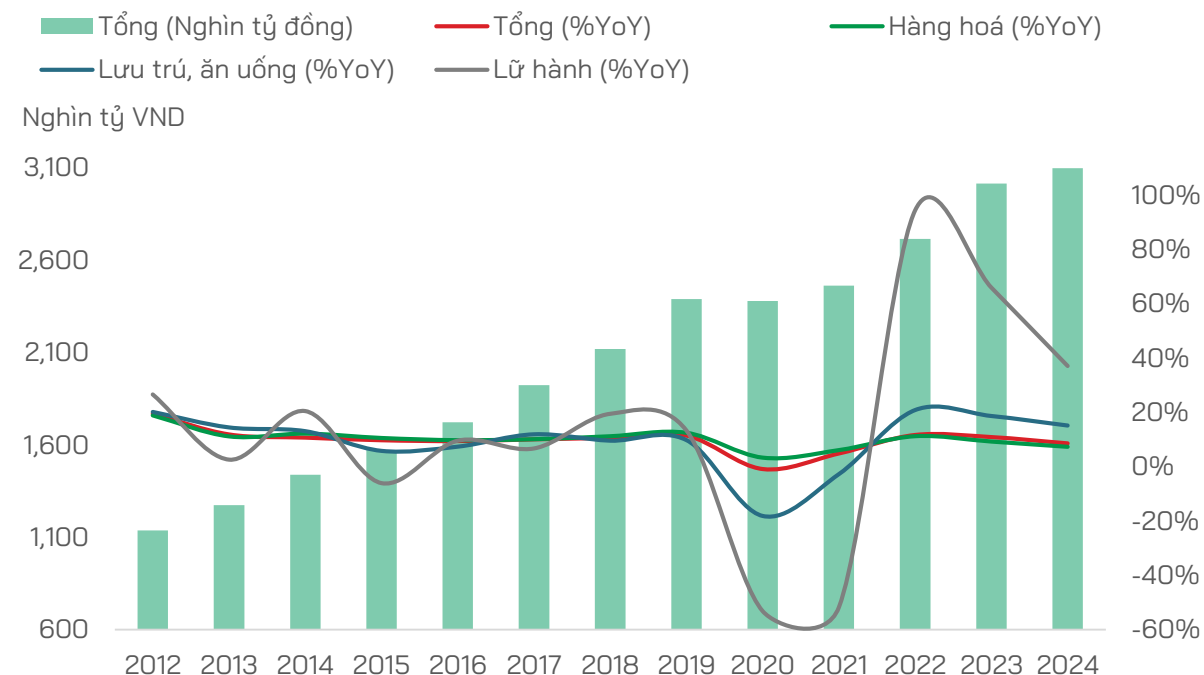
3. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng phục hồi

- **Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng phục hồi.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6T.2024 ước đạt 3,098 nghìn tỷ đồng, tăng 8.6%yoy. Trong đó, nhóm bán lẻ hàng hóa tăng 7.4%yoy, nhóm dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 15.2%yoy, nhóm du lịch lữ hành tăng 37.1%yoy.
- **Mặc dù bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đã duy trì được đà tăng trưởng rất tích cực trong 6T.2024, nhưng tốc độ tăng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 10.9%yoy).** Điều này cho thấy, cầu về tiêu dùng trong nước vẫn chưa thực sự phục hồi mạnh mẽ trong những tháng đầu năm.

Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



Tổng bán lẻ HHDV và tăng trưởng 6 tháng

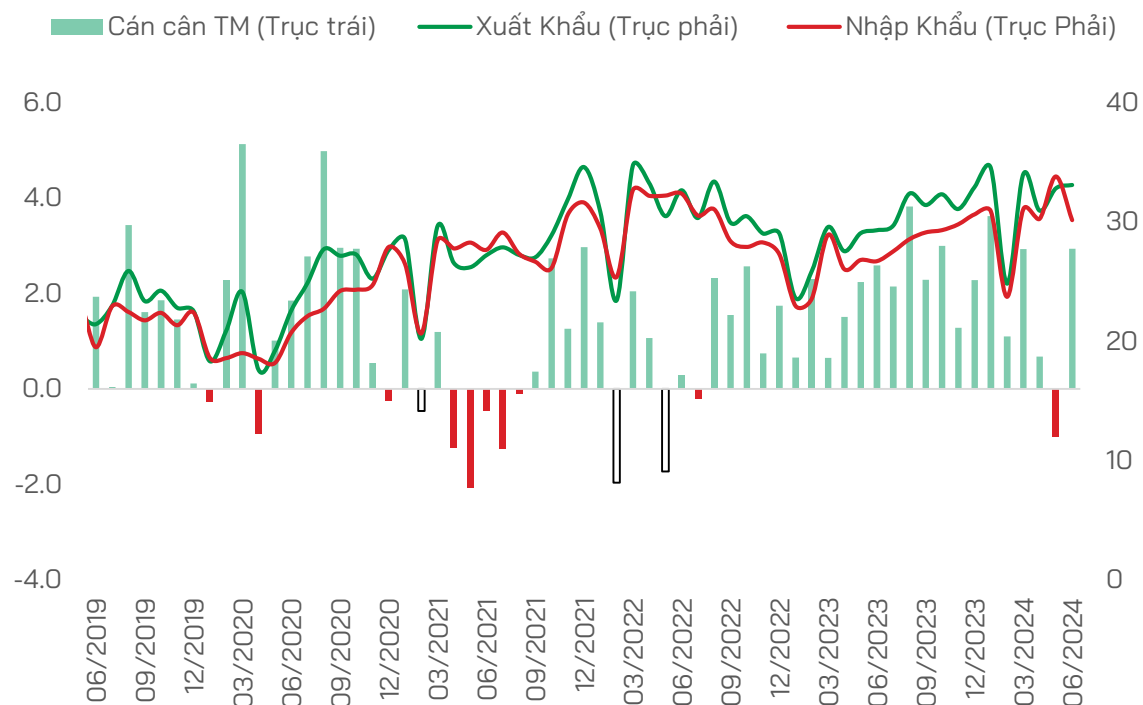


Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

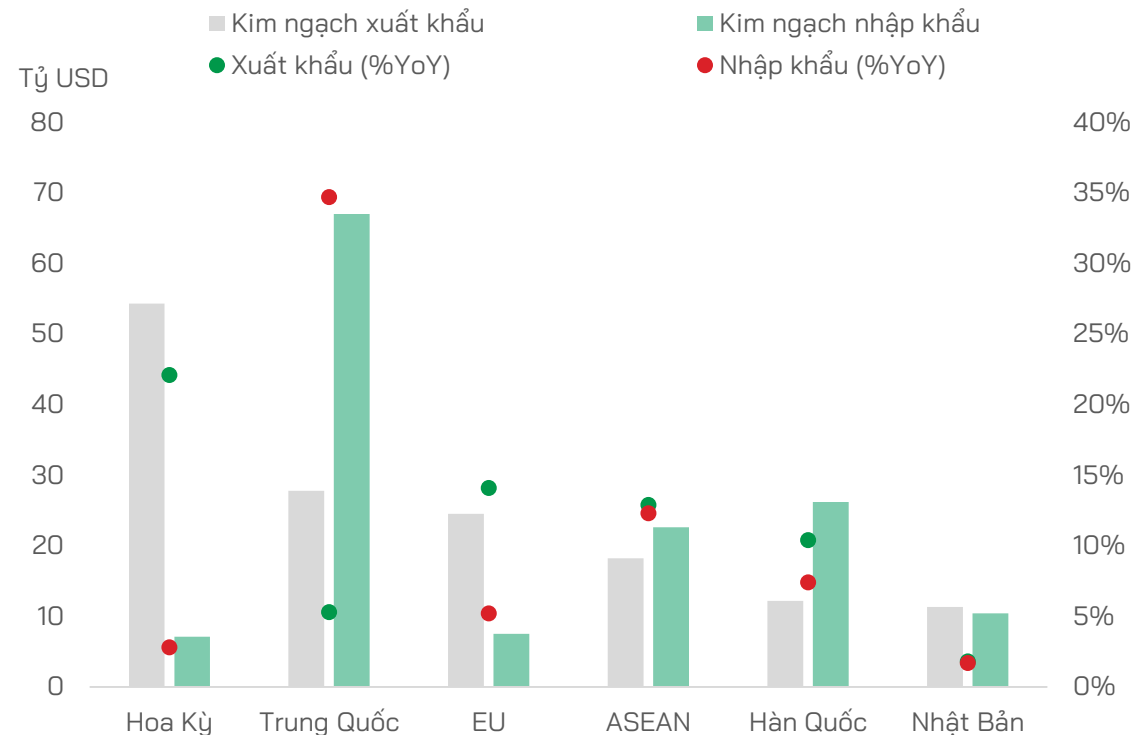
4. Xuất khẩu tăng tốt với Cán cân thương mại thặng dư

- **Cán cân thương mại thặng dư 11.6 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2024** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 190.1 tỷ USD, tăng 14.5%yoy và Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 178.5 tỷ USD, tăng 17%yoy.
- **Về thị trường xuất khẩu:** Hoa Kỳ chiếm khoảng 28.6% tổng kim ngạch xuất khẩu 6T.2024, tăng 22.1%yoy; Trung Quốc chiếm 14.6%, tăng 5.3%yoy; EU chiếm 12.9%, tăng 14.1%yoy; ASEAN chiếm 9.6%, tăng 12.9%yoy.
- **Về thị trường nhập khẩu:** Trung Quốc khoảng 37.5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam 6T.2024, tăng 34.7%yoy; Hàn Quốc chiếm khoảng 14.7%, tăng 7.4%yoy; ASEAN chiếm khoảng 12.7%, tăng 12.3%yoy.

Xuất nhập khẩu trong tháng 6.2024



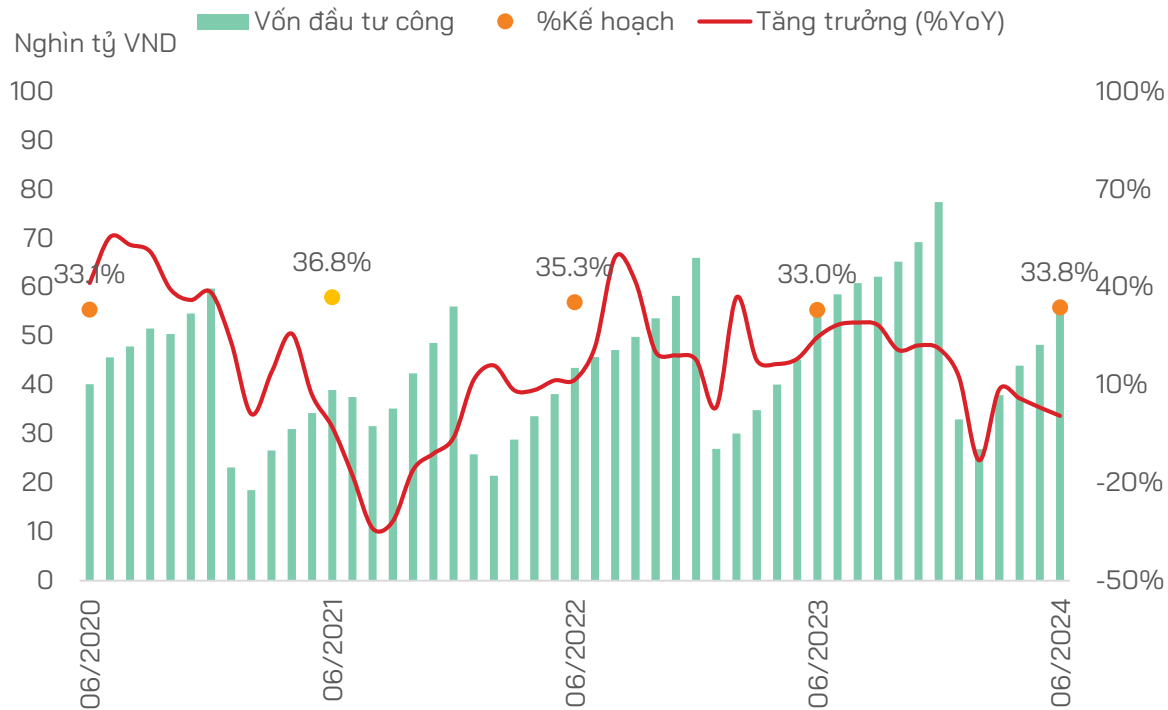
Xuất nhập khẩu sang các thị trường chính trong 6T.2024



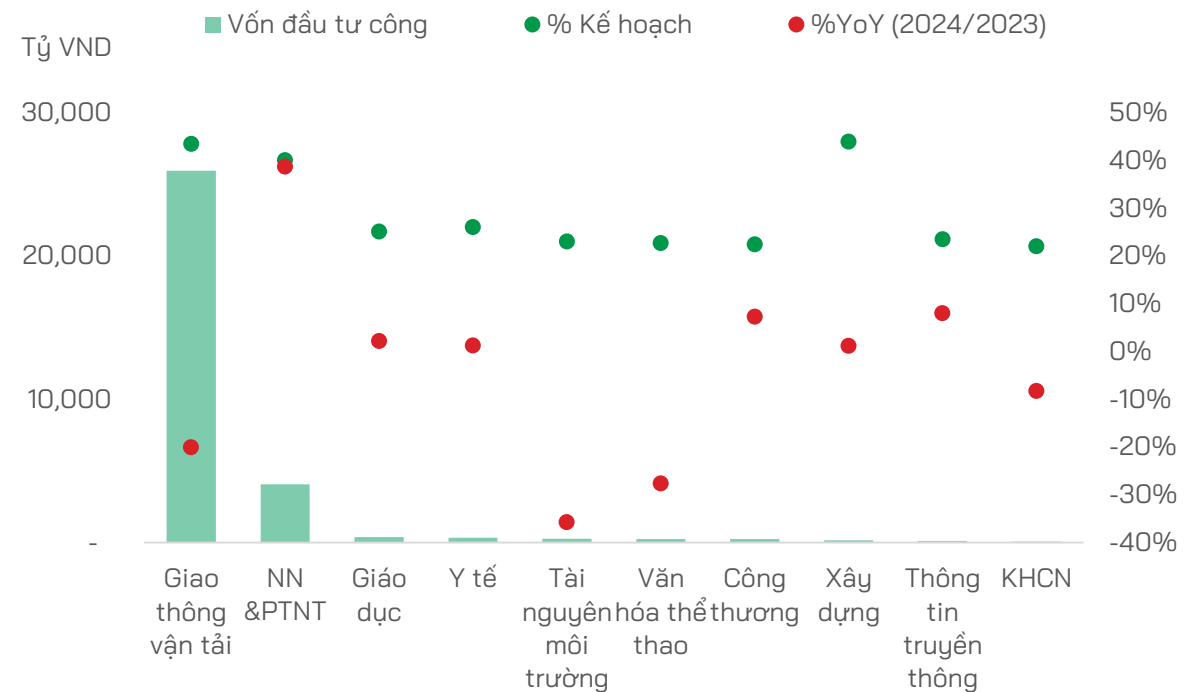
5. Giải ngân đầu tư công đạt ở mức thấp

- **Giải ngân đầu tư công 6T.2024 ước đạt 244.4 nghìn tỷ đồng, bằng 33.8% kế hoạch cả năm 2024** và tăng 3.5%yoy (cùng kỳ năm 2023 bằng 32.2% kế hoạch và tăng 22.5%yoy).
- **Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công vẫn đạt ở mức thấp so với kế hoạch cả năm 2024.** Điều này có thể là do các thủ tục giải ngân, giải phóng mặt bằng thường chưa được hoàn thiện trong những tháng đầu năm và tăng tốc hơn ở những tháng cuối năm. Bên cạnh đó, lạm phát cao cũng gây khó khăn cho nhà điều hành trong việc thúc đẩy đầu tư công. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn cao hơn so với tỷ lệ đạt kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công cùng kỳ năm 2023.

Giải ngân vốn đầu tư công hàng tháng



Giải ngân vốn đầu tư công 6T.2024 phân theo các Bộ ngành

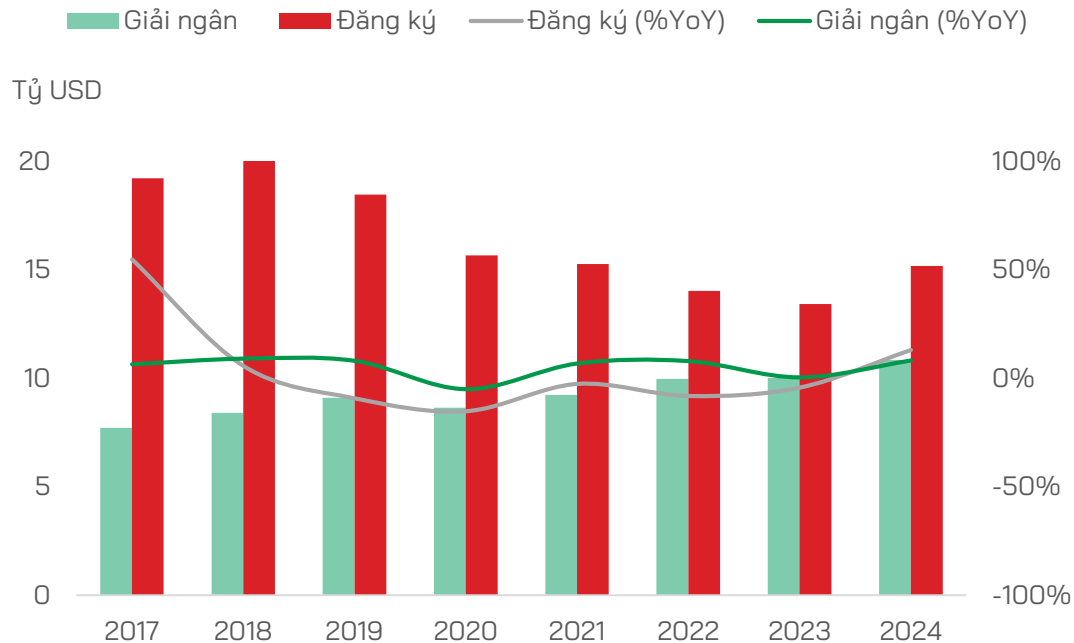


Nguồn: FiinX, GSO, HDS tổng hợp

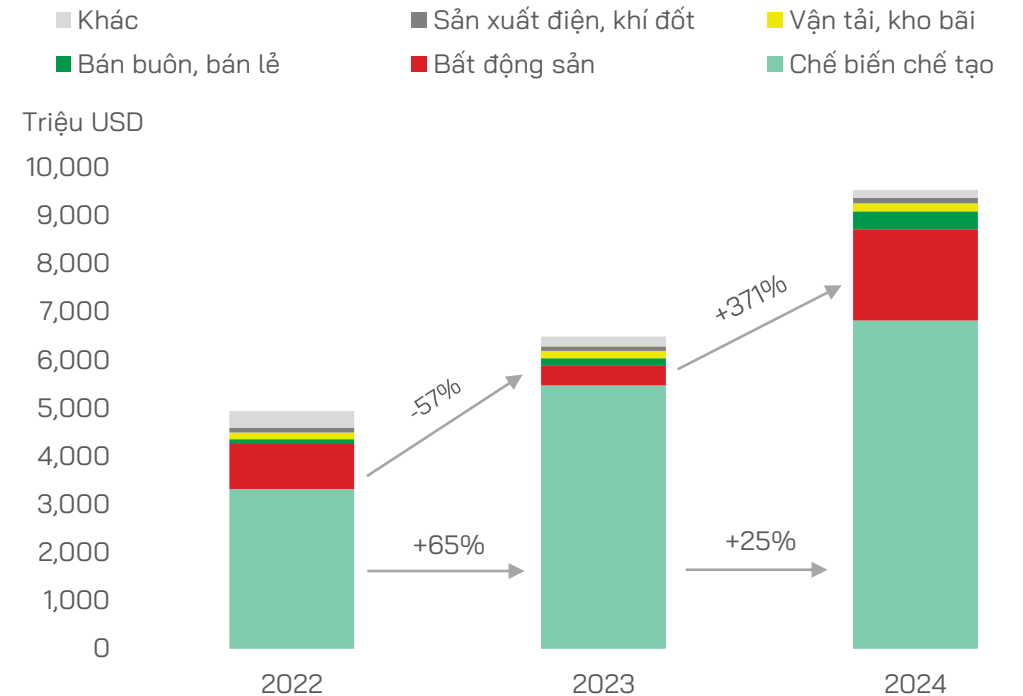
6. Vốn FDI sẽ tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam

- **Trong 6T.2024, FDI đăng ký ghi nhận 15.2 tỷ USD, tăng 13.1%yoy.** Nửa đầu năm, 57 quốc gia được cấp dự án mới tại Việt Nam. Trong đó, FDI đăng ký mới từ Singapore ghi nhận 4.0 tỷ USD, chiếm 42.1% FDI đăng ký cấp mới; Hồng Kông chiếm 12.4%; Trung Quốc 10.6%, Nhật Bản chiếm 10.3% và Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 7.7%. Nhìn từ góc độ ngành, FDI đăng ký mới đổ vào ngành chế biến, chế tạo ghi nhận 10.4 tỷ USD, chiếm 76.9% tổng vốn; ngành bất động sản ghi nhận 1.9 tỷ USD, chiếm 14.8% tổng vốn.
- **Trong 6T.2024, vốn FDI giải ngân ghi nhận 10.8 tỷ USD, tăng 8.2%yoy.** Trong đó, FDI giải ngân trong lĩnh vực chế biến, chế tạo ghi nhận 8.6 tỷ USD, chiếm 79.3% tổng vốn thực hiện, lĩnh vực bất động sản chiếm 9.3% và lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, khí đốt chiếm 3.9% tổng vốn thực hiện.

FDI đăng ký, giải ngân và tốc độ tăng trưởng 6 tháng



FDI đăng ký mới 6 tháng theo nhóm ngành

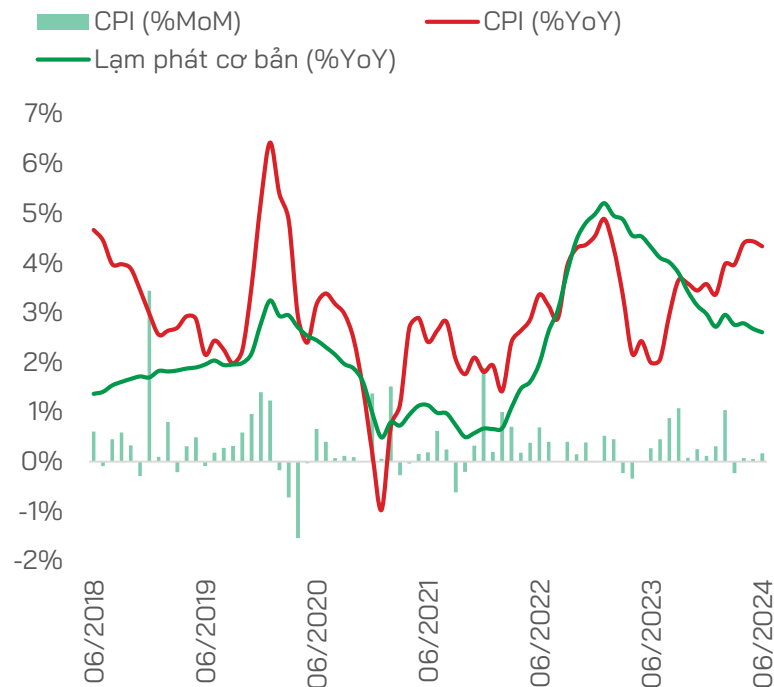


Nguồn: FiinX, GSO, HDS tổng hợp

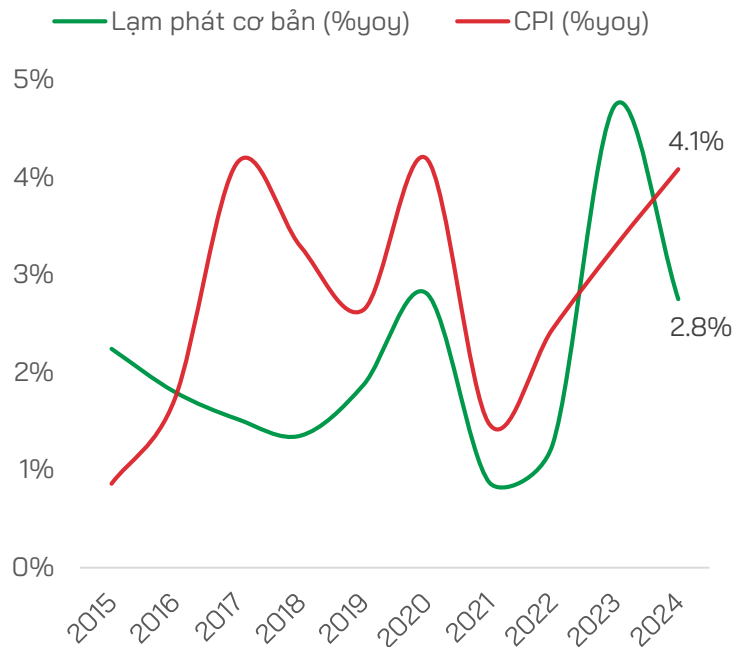
7. Lạm phát tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

- **Tính bình quân 6T.2024, CPI tăng 4.08% so với cùng kỳ 2023.** Riêng tháng 6.2024 tăng 0.17% so với tháng trước và tăng 4.34% so với cùng kỳ 2023. Trong 11 nhóm hàng hóa tiêu dùng chính, có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá. Trong 8 nhóm hàng tăng giá gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh nhất, tăng 0.75%mom; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0.68%mom; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0.6%mom; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0.35%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0.17%mom; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0.09%mom; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0.05%mom và Nhóm bưu chính, viễn thông tăng 0.02%mom.
- **Lạm phát cơ bản bình quân 6T.2024 tăng 2.75%yoy,** thấp hơn mức CPI bình quân chung (+4.08%yoy), chủ yếu do giá lương thực, điện, giáo dục và dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ danh mục tính lạm phát cơ bản. Riêng tháng 6/2024, Lạm phát cơ bản tăng 0.18%MoM và 2.61%YoY.

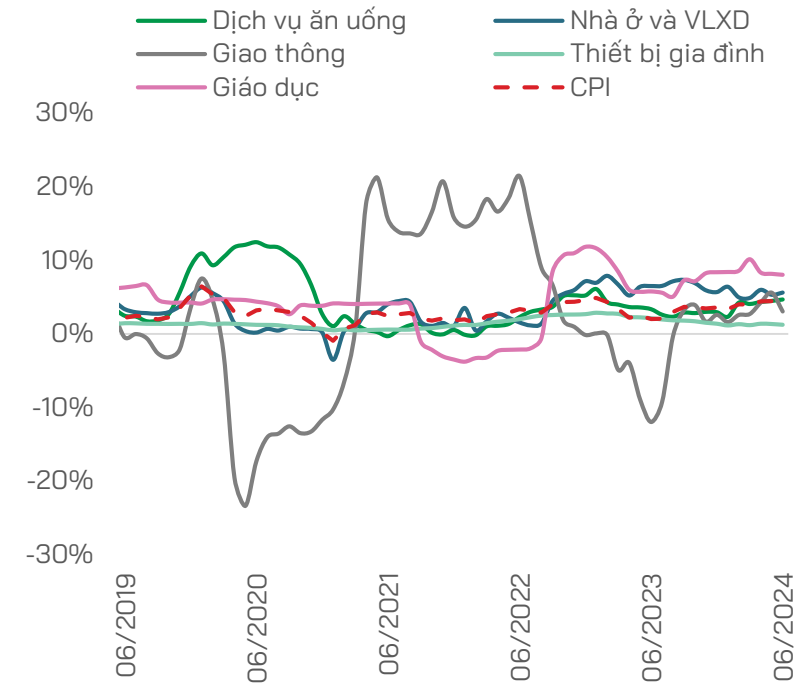
Diễn biến lạm phát của Việt Nam theo tháng



Chỉ số CPI lũy kế 6 tháng



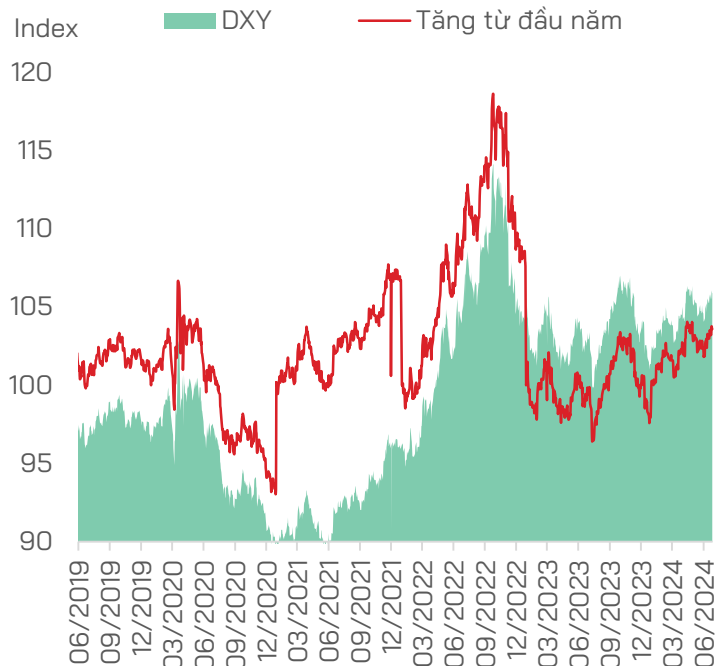
Chỉ số CPI theo nhóm ngành



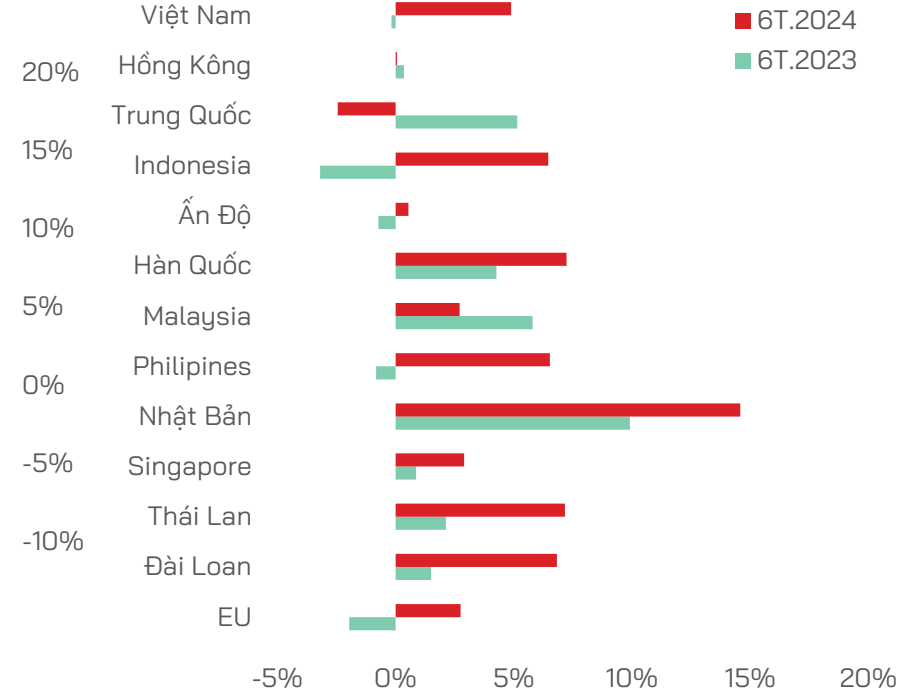
8. Tỷ giá tăng từ đầu năm nhưng đồng USD có xu hướng hạ nhiệt

- **Chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 4.4% so với đầu năm, do Mỹ chưa hạ lãi suất sớm như kỳ vọng.** Tuy nhiên, DXY từ tháng 7 đã hạ nhiệt do báo cáo việc làm tháng 6 của Mỹ cho thấy số lượng lao động mất việc làm đã tăng từ mức 1.54 triệu người trong tháng 4 lên 1.65 triệu người trong tháng 5. Đà giảm của cơ hội việc làm sẽ góp phần hạ nhiệt thị trường lao động, giảm sức ép tăng tương đối với doanh nghiệp, nhân tố có thể gây ra lạm phát. Bên cạnh đó, CPI tháng 6 của Mỹ cho thấy CPI giảm 0.1% so với tháng 5, đây là lần đầu tiên CPI của Mỹ giảm trên cơ sở tháng kể từ tháng 5/2020. Điều này làm cho một số nhà đầu tư kỳ vọng Fed sẽ giảm lãi suất kể từ tháng 9.
- **Tỷ giá bình quân Ngân hàng Thương mại tăng 4.3% so với đầu năm và thị trường tự do tăng 5.0% so với đầu năm.** Tỷ giá USD/VND của thị trường tự do có thời điểm tháng 6 đã vượt 26,000 đồng. Tuy nhiên, sau các giải pháp của Chính phủ để ổn định tỷ giá thì tỷ giá thị trường tự do đã hạ nhiệt về dưới 26,000 đồng và tỷ giá NHTM ổn định đi ngang, nhưng vẫn neo ở mức khá cao khi thị trường vẫn đang chờ tín hiệu hạ lãi suất của Fed.

Chỉ số U.S. Dollar Index (DXY)



Mất giá của một số đồng tiền so với USD (YTD)



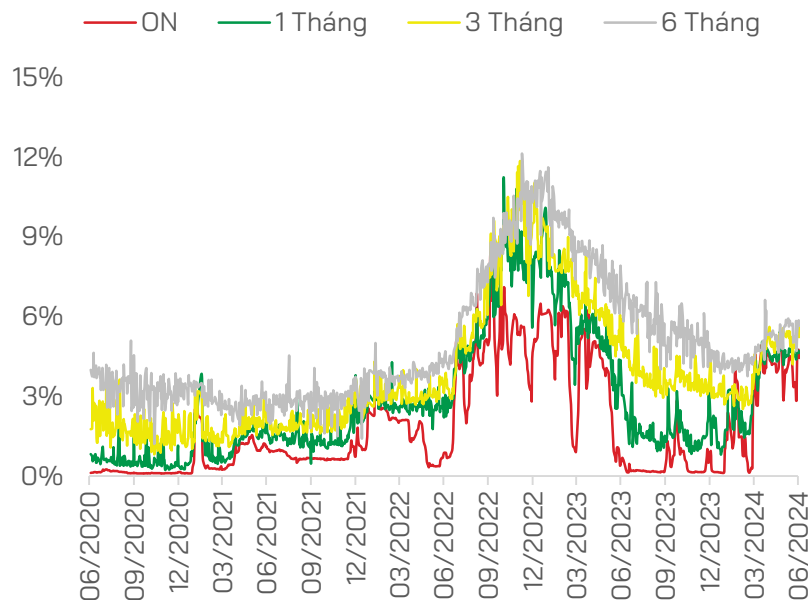
Tỷ giá trong nước



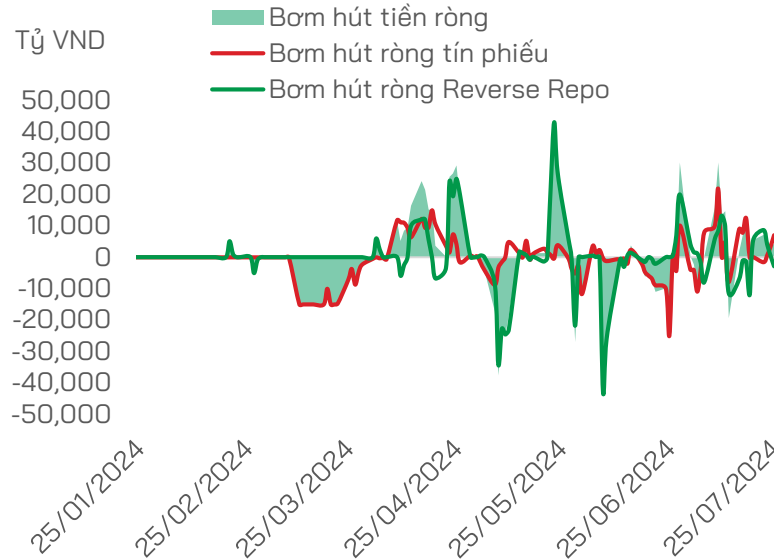
9. Lãi suất liên ngân hàng và lãi suất huy động xu hướng tăng

- **Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh trong nửa đầu năm ở các kỳ hạn dưới 3 tháng tăng 3-4 điểm phần trăm.** Sự tăng lên của lãi suất liên ngân hàng, đặc biệt từ tháng 4 là do sự phục hồi của nhu cầu tín dụng và NHNN liên tục hút tiền qua kênh tín phiếu để điều tiết tỷ giá. Trong bối cảnh cán cân thương mại tháng 5 thâm hụt, giá vàng diễn biến phức tạp, chỉ số DXY duy trì mức cao đã gây áp lực không nhỏ lên tỷ giá USD/VND, NHNN đã phải sử dụng các công cụ như phát hành tín phiếu, bán USD để kiểm soát tỷ giá.
- **Lãi suất huy động xu hướng tăng.** Tăng trưởng tín dụng phục hồi tích cực từ tháng 6, lãi suất liên ngân hàng tăng cao và lĩnh vực sản xuất phục hồi làm tăng cầu về vốn, một số NHTM đã tăng lãi suất huy động. Cụ thể như, các ngân hàng đã tăng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng như Techcombank từ 4.55% lên 4.95%, VPBank từ 4.8% lên 5.2%, TPBank từ 4.9% lên 5.2% ABBank từ 3.9% lên 5.4%.
- **Lãi suất liên ngân hàng được kỳ vọng sẽ không quá căng thẳng trong thời gian tới.** Cán cân thương mại xuất siêu trở lại trong tháng 6 và các thông tin tích cực về lạm phát Hoa Kỳ sẽ giảm bớt áp lực lên tỷ giá USD/VND. Điều này đã làm thay đổi động thái NHNN trong những đợt phát hành tín phiếu từ đầu tháng 7 đến nay, lãi suất tín phiếu vẫn giữ mức 4.5%/năm nhưng khối lượng trúng thầu đã giảm xuống.

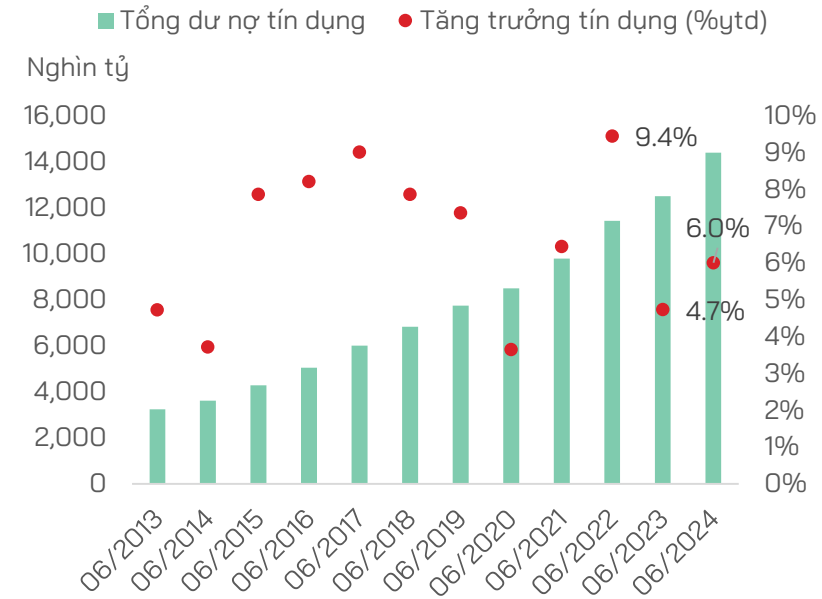
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Khối lượng bơm hút ròng thị trường mở



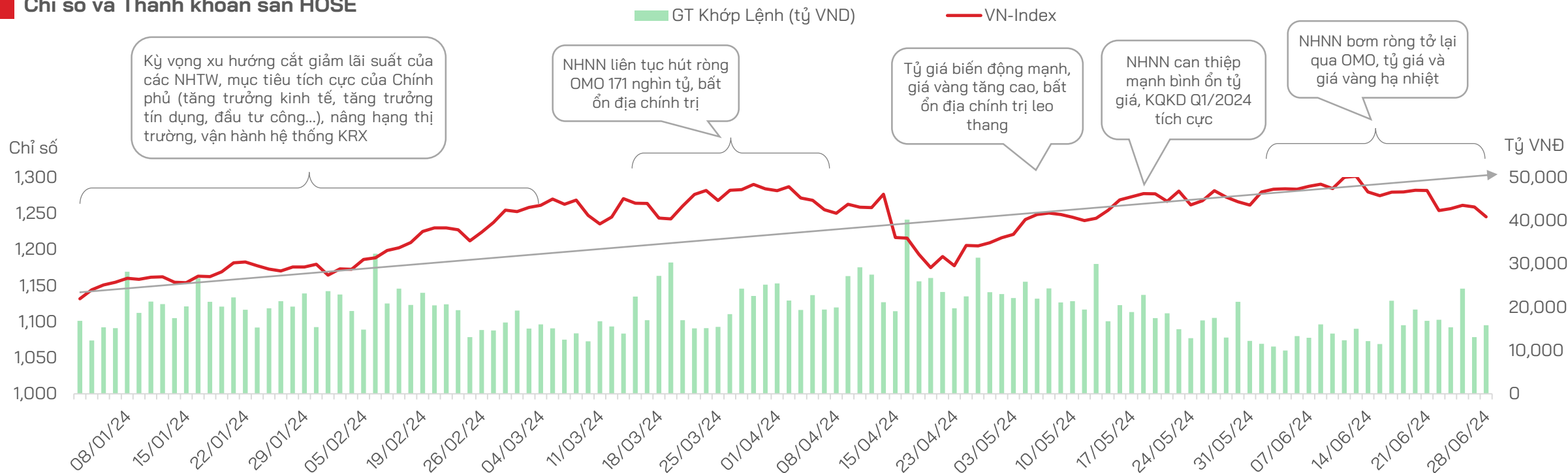
Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm



10. Thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm tăng trưởng tích cực

- **Thị trường chứng khoán từ đầu năm đến nay ghi nhận xu hướng tăng tích cực** với VN-Index đóng cửa tháng 06/2024 tại mốc 1,245 điểm, tăng 10.2% so với đầu năm. Thanh khoản thị trường tăng tích cực đạt 19,424 tỷ đồng/phiên, gấp 1.4 lần bình quân phiên cả năm 2023, có những phiên thị trường vượt 40 nghìn tỷ đồng.
- **Yếu tố làm động lực cho thị trường từ đầu năm nhờ** (1) kỳ vọng xu hướng cắt giảm lãi suất của các NHTW trên toàn cầu, (2) kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trong Q1/2024 khá tích cực, (3) kỳ vọng nâng hạng thị trường với việc vận hành thử hệ thống KRX. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá làm lãi suất tiền đồng Việt Nam hạ thấp so với thế giới tạo sức nóng lên thị trường, dẫn đến khối ngoại liên tục bán ròng từ đầu năm đến nay, nhưng lực bán đã sụt giảm cuối tháng 5.

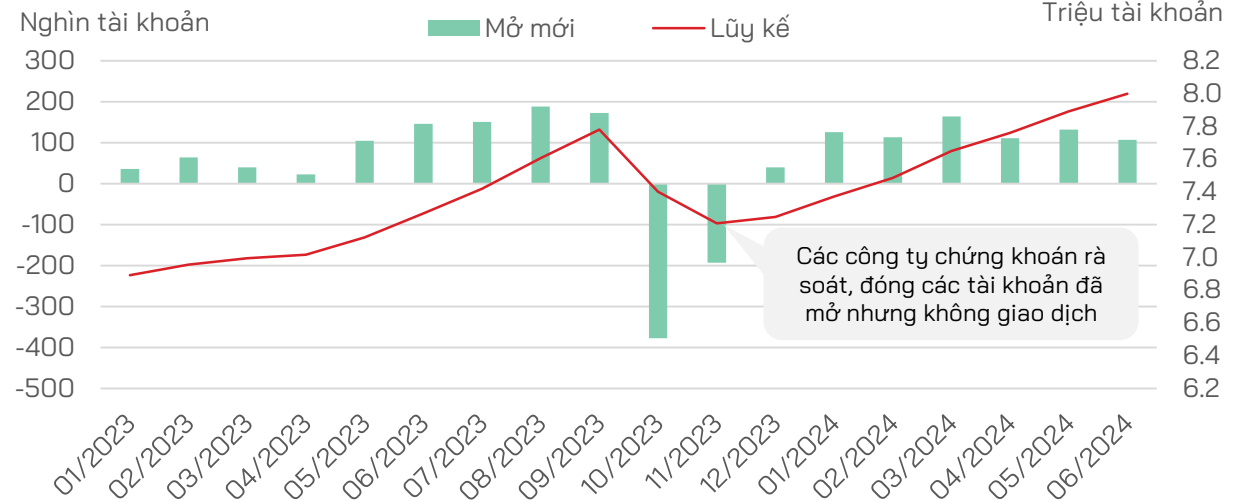
Chỉ số và Thanh khoản sàn HOSE



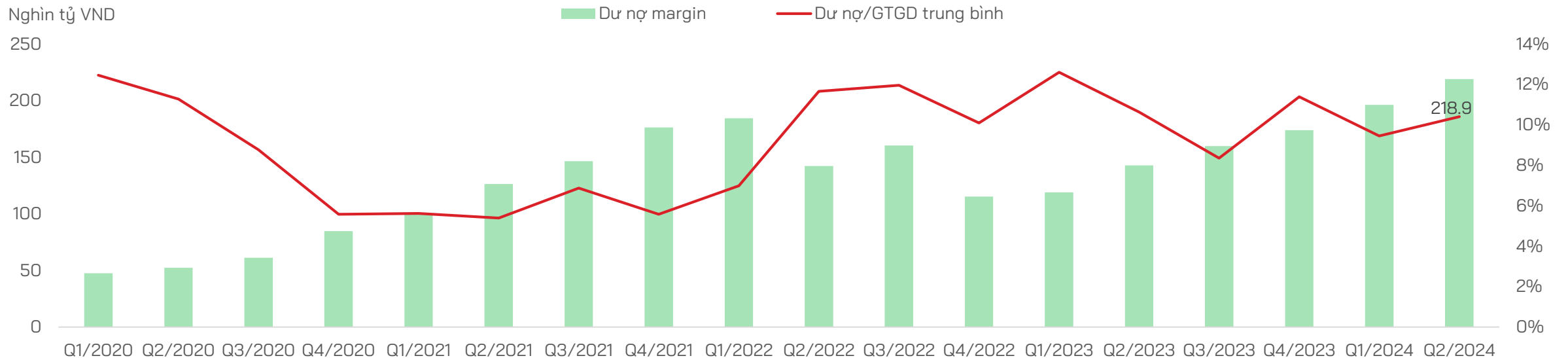
11. Số lượng tài khoản mở mới và Dư nợ margin tiếp tục tăng tích cực

- **Số tài khoản mở mới trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 751,316 tài khoản, gấp 1.8 lần so với cùng kỳ năm 2023.** Lũy kế đến tháng 6/2024, Việt Nam có gần 8 triệu tài khoản.
- **Cho vay margin tăng kỷ lục.** Theo BCTC Quý 2/2024 của 62 Công ty chứng khoán (đại diện 99% quy mô vốn chủ sở hữu của toàn ngành) cho thấy dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ (margin) đạt gần 218.9 nghìn tỷ đồng tại thời điểm 30/06/2024, tăng +53.4% so với cùng kỳ năm 2023 và tăng +11.5% so với cuối Quý 1/2024.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới



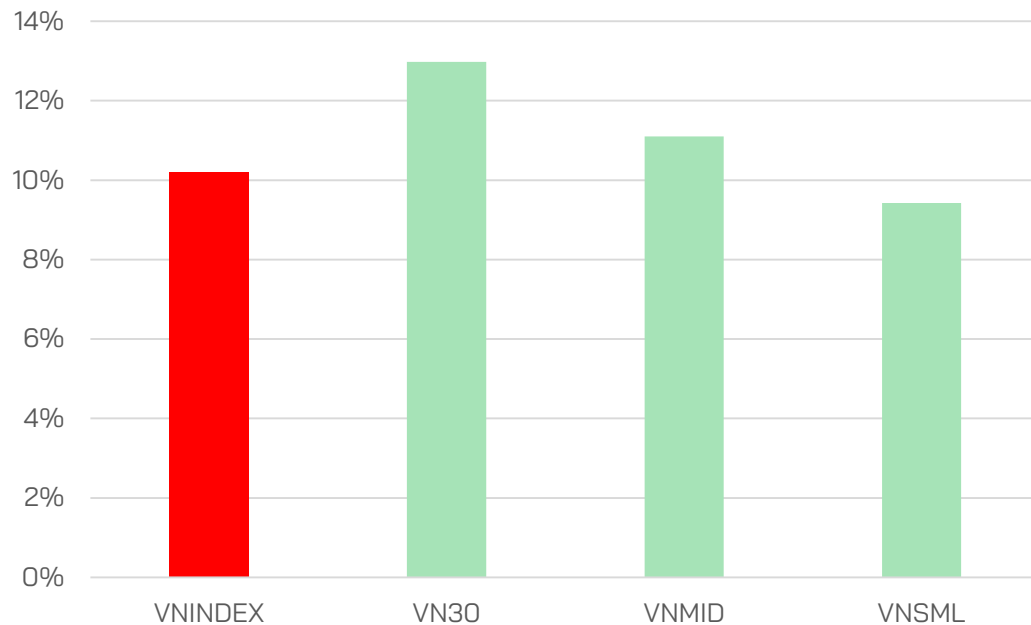
Dư nợ cho vay margin



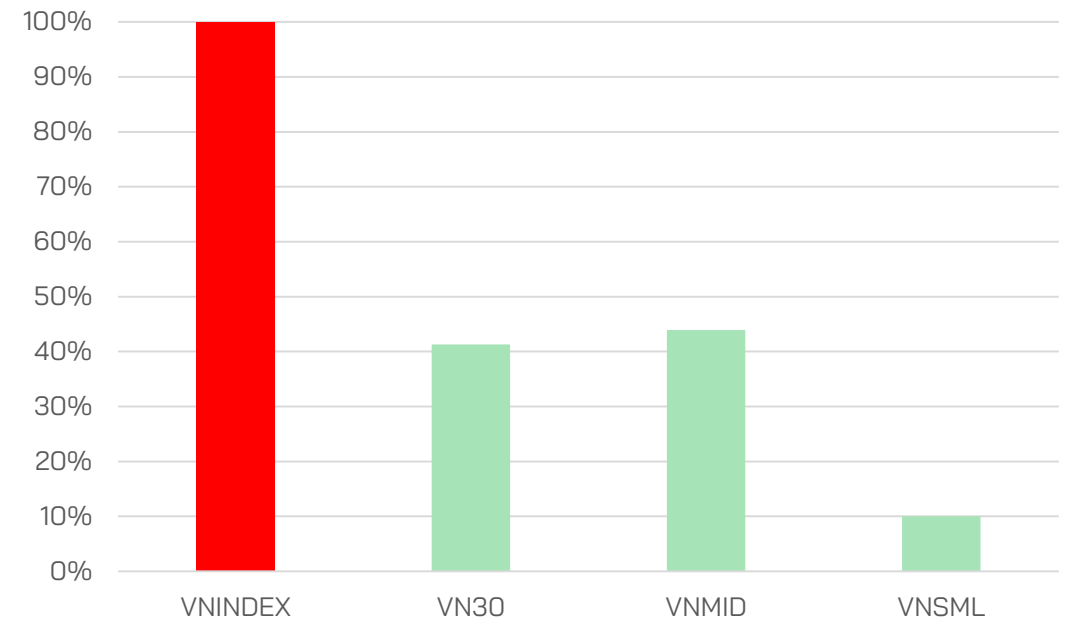
12. Nhóm vốn hóa lớn có hiệu suất đầu tư cao nhất

- **Xét về hiệu quả đầu tư**, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (VN30) đạt hiệu suất sinh lời cao nhất tăng 115.4 điểm tương đương 13.0% so với đầu năm, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (VNMID) tăng 146.9 điểm tương đương tăng 11.1% so với đầu năm và nhóm vốn hóa nhỏ (VNSML) tăng 129.3 điểm tương đương tăng 9.4% so với đầu năm.
- **Xét về dòng tiền**, nhóm vốn hóa lớn chiếm 41.3% giá trị giao dịch, nhóm vốn hóa vừa chiếm 43.9% giá trị giao dịch và nhóm vốn hóa nhỏ chiếm 10.0% giá trị giao dịch.

Hiệu suất nhóm vốn hóa từ đầu năm đến tháng 6



Tỷ trọng giá trị giao dịch trung bình 6 tháng 2024

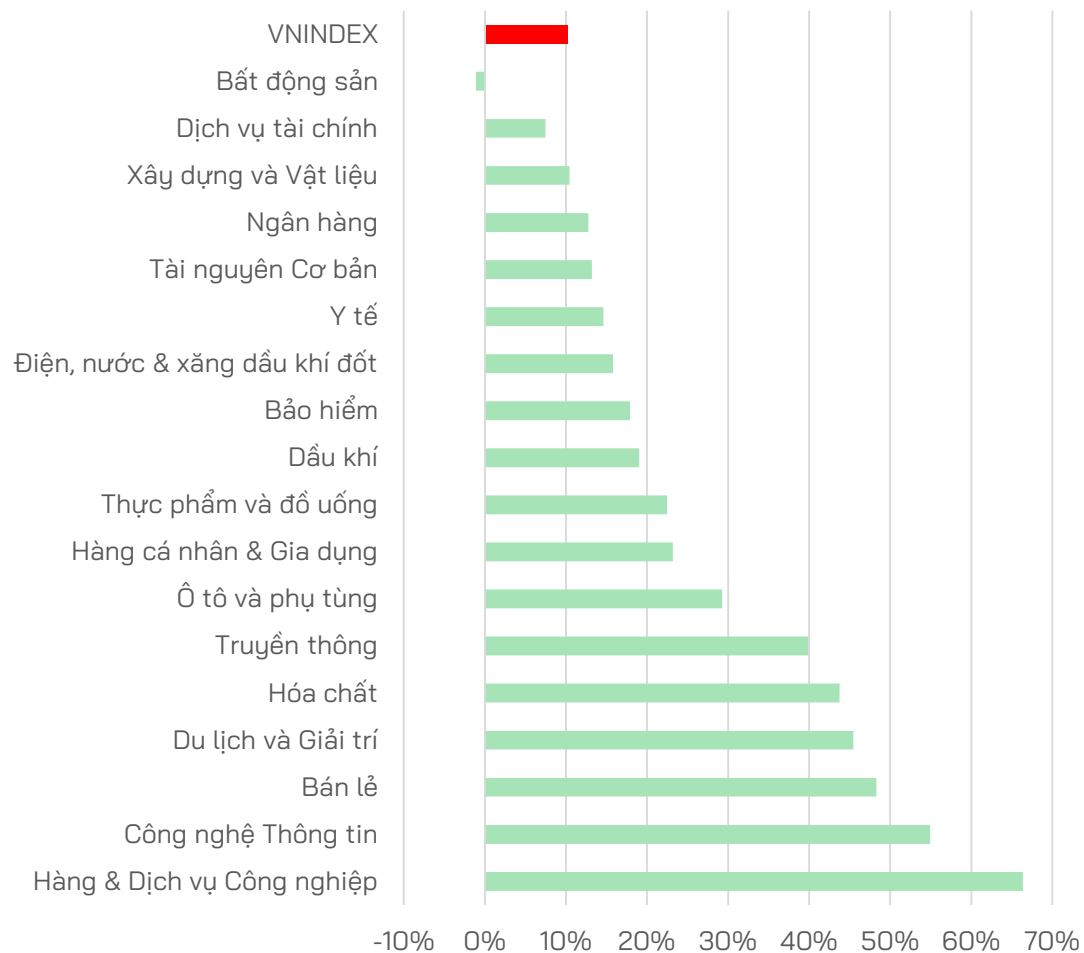


Nguồn: HDS tổng hợp

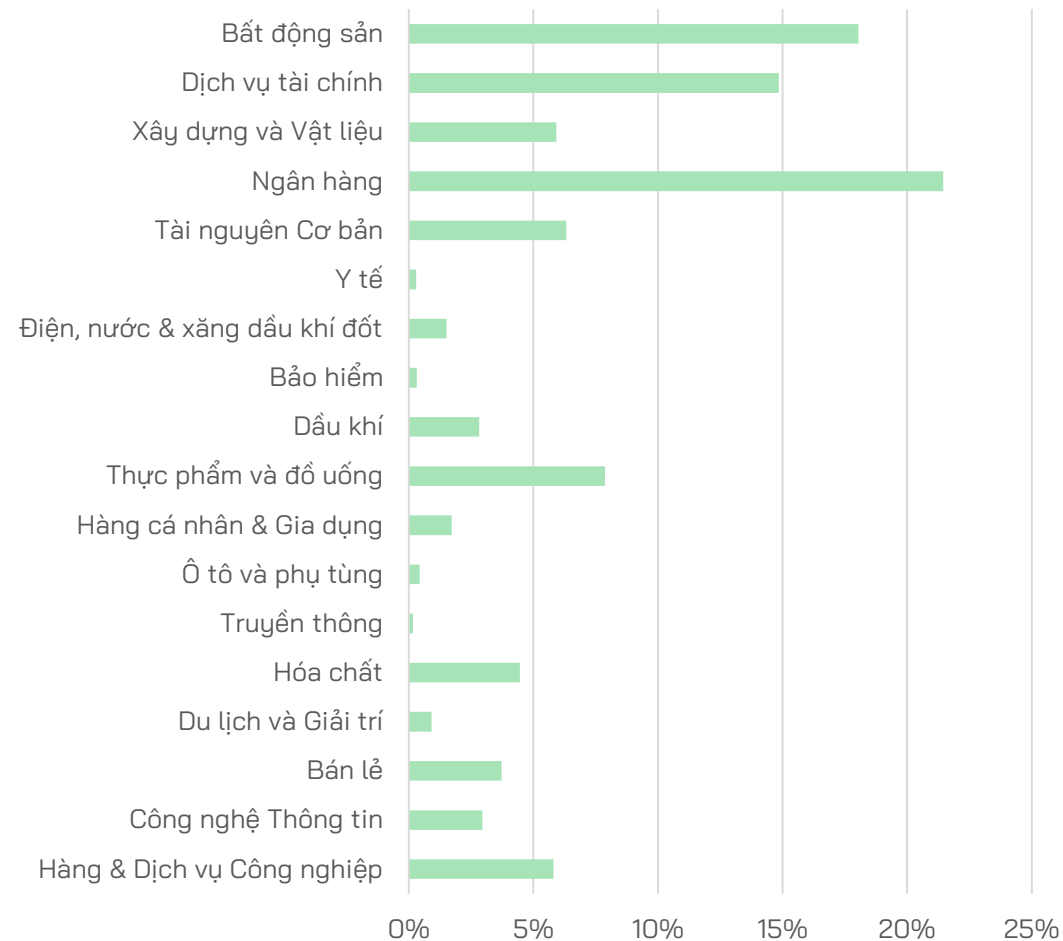
12. Nhóm Hàng & Dịch vụ Công nghiệp, CNTT và Bán lẻ có mức sinh lời cao

- **Top 3 nhóm có hiệu suất sinh lời cao nhất** là nhóm Hàng & Dịch vụ Công nghiệp, Công nghệ thông tin và Bán lẻ.
- **Nhóm có hiệu suất sinh lời thấp hơn thị trường** là nhóm Bất động sản, Dịch vụ tài chính và Xây dựng & Vật liệu xây dựng.

Hiệu suất đầu năm đến cuối tháng 6/2024



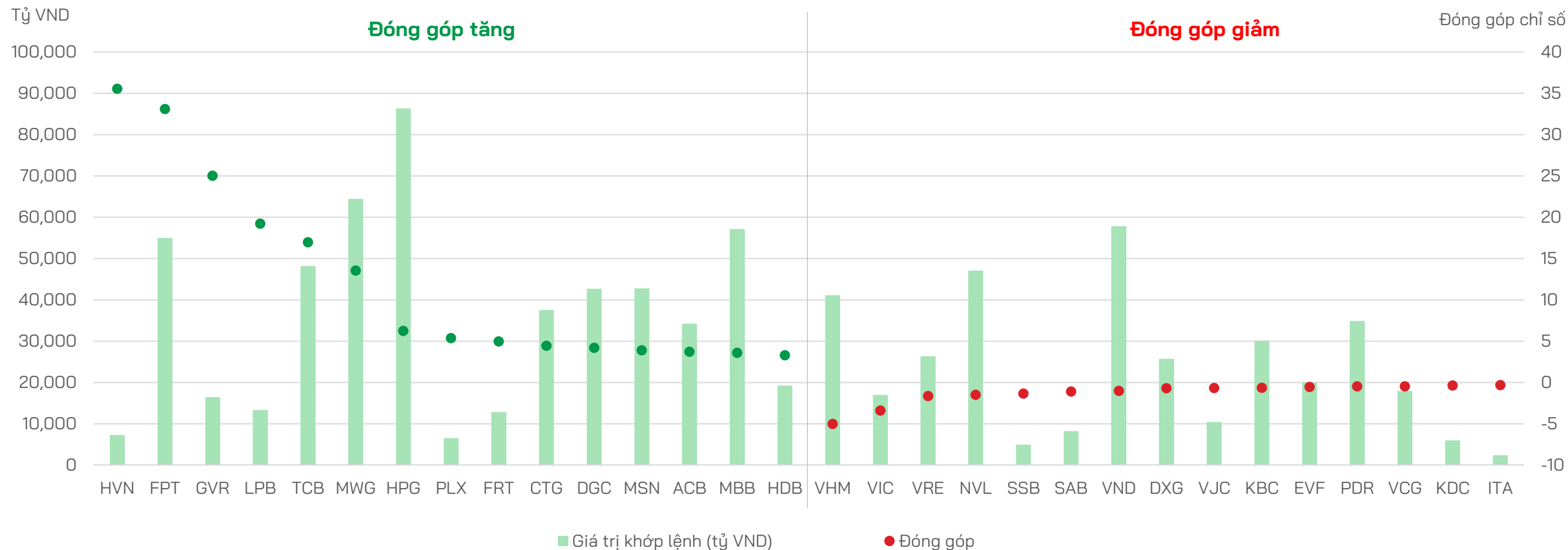
Tỷ trọng giá trị giao dịch trung bình 6 tháng 2024



12. Nhóm Du lịch giải trí, CNTT và Ngân hàng đóng góp chính tăng VN-Index

- **Nhóm cổ phiếu ngành Du lịch giải trí, CNTT và Ngân hàng đóng góp chính vào gia tăng VN-Index:** HVN, FPT, LPB, MWG, HPG, PLX, FRT, CTG, DGC, MSN
- **Nhóm cổ phiếu ngành Bất động sản là nhân tố chính làm giảm chỉ số VN-Index:** VHM, VIC, VRE, NVL, SSB, VND, DXG, VJC, KBC, EVF

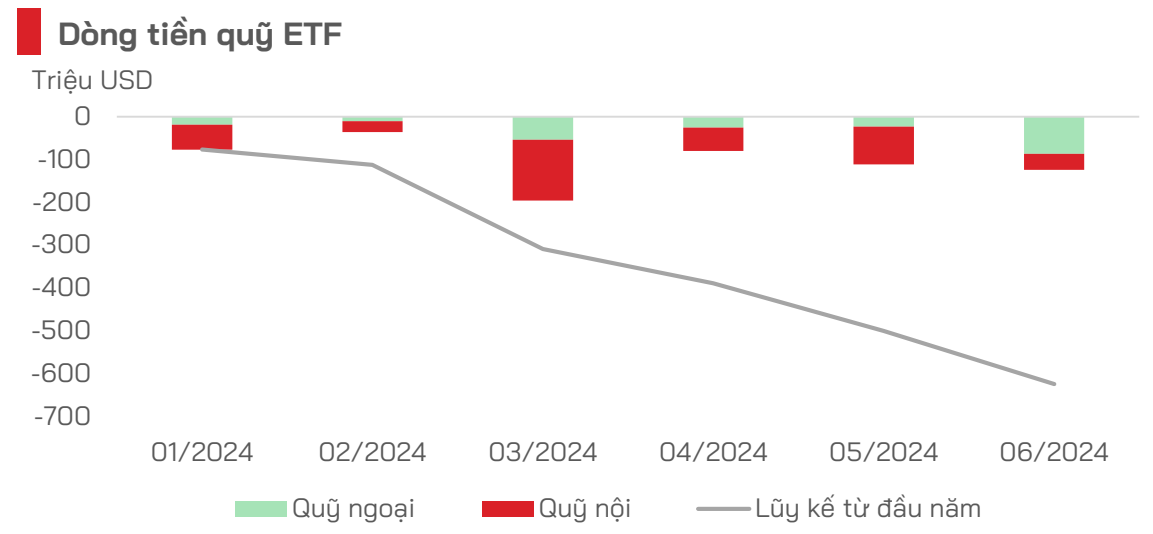
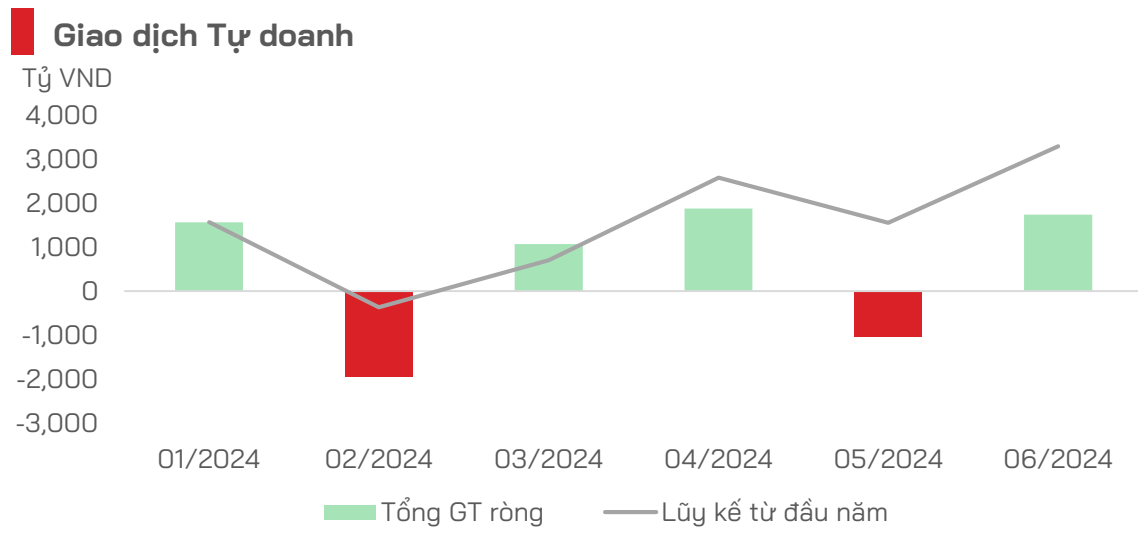
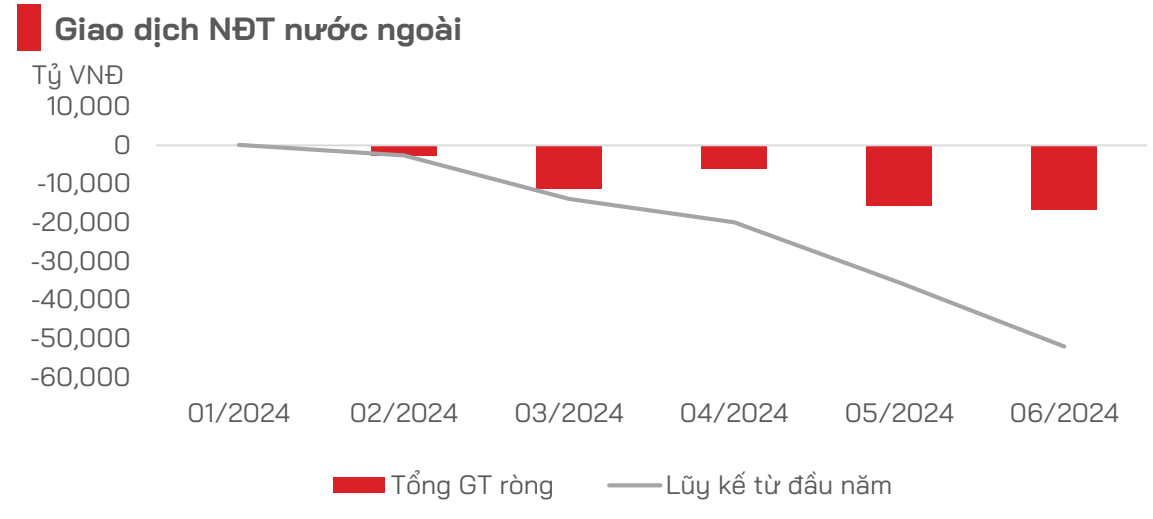
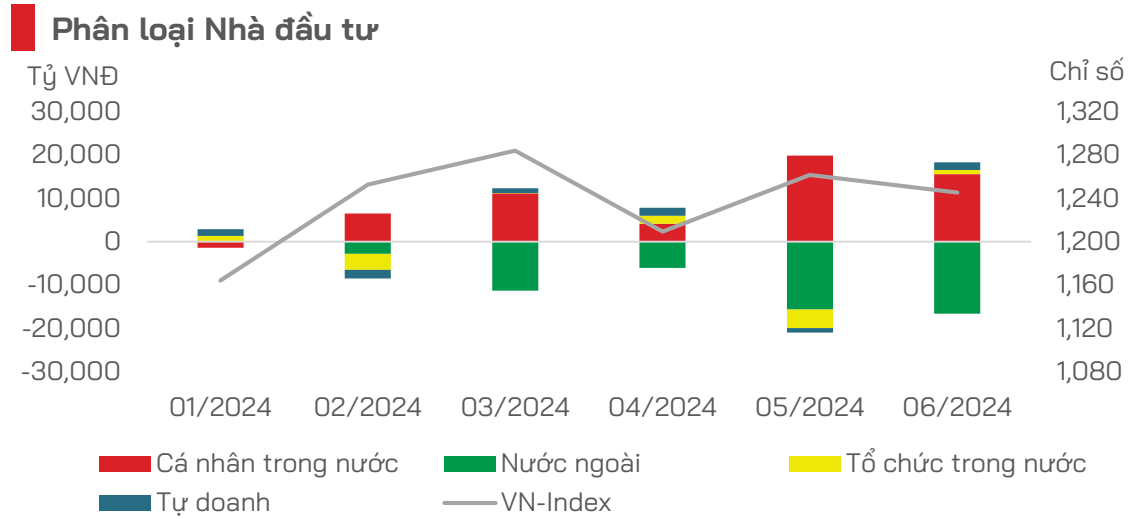
Top Cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index trong 6 tháng đầu năm 2024



Nguồn: HDS tổng hợp

13. Đầu năm đến nay Nhà đầu tư Cá nhân vẫn là lực mua chính của thị trường

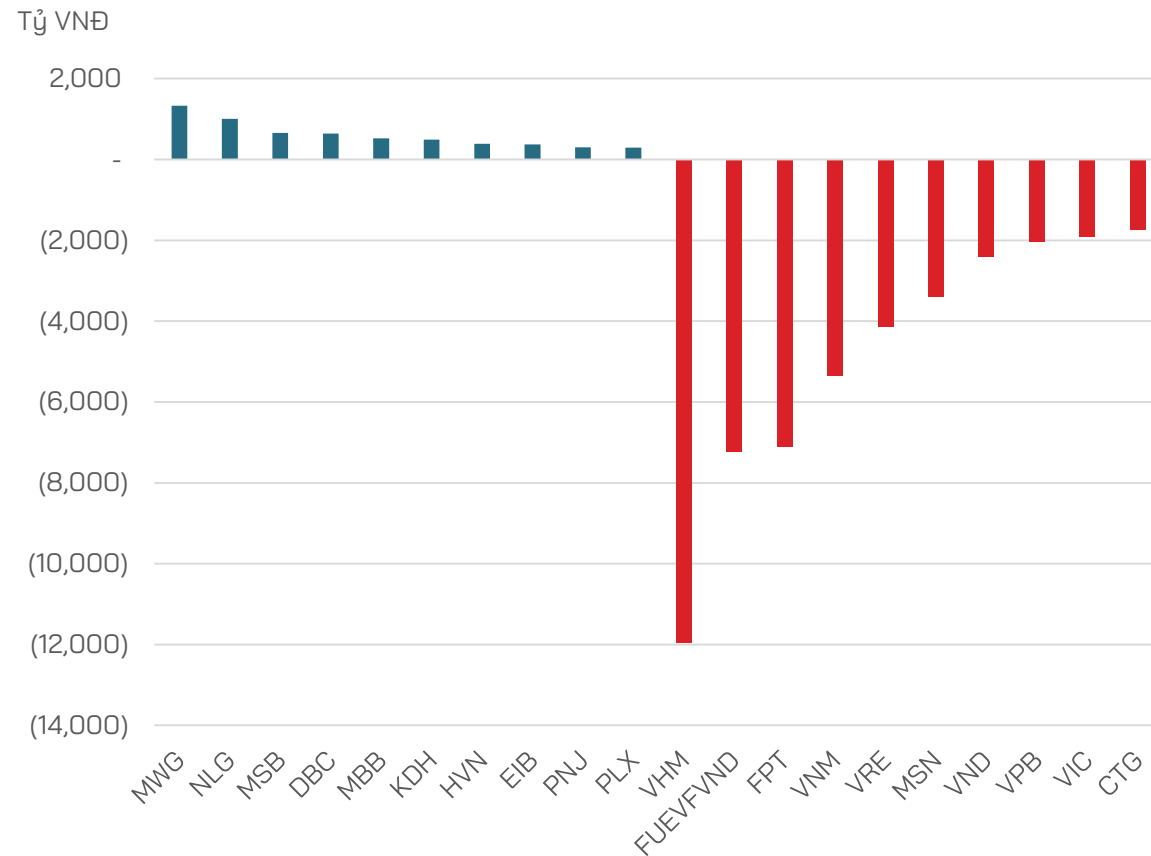
Nhà đầu tư cá nhân mua ròng 55,946 tỷ đồng trong 6 tháng qua, trong khi đó khối ngoại và các quỹ ETF vẫn liên tục rút ròng. Trong đó, tổng giá trị bán ròng của khối ngoại từ đầu năm đến nay 52,037 tỷ đồng và ETF rút ròng 625 triệu USD tương đương hơn 15.6 nghìn tỷ đồng.



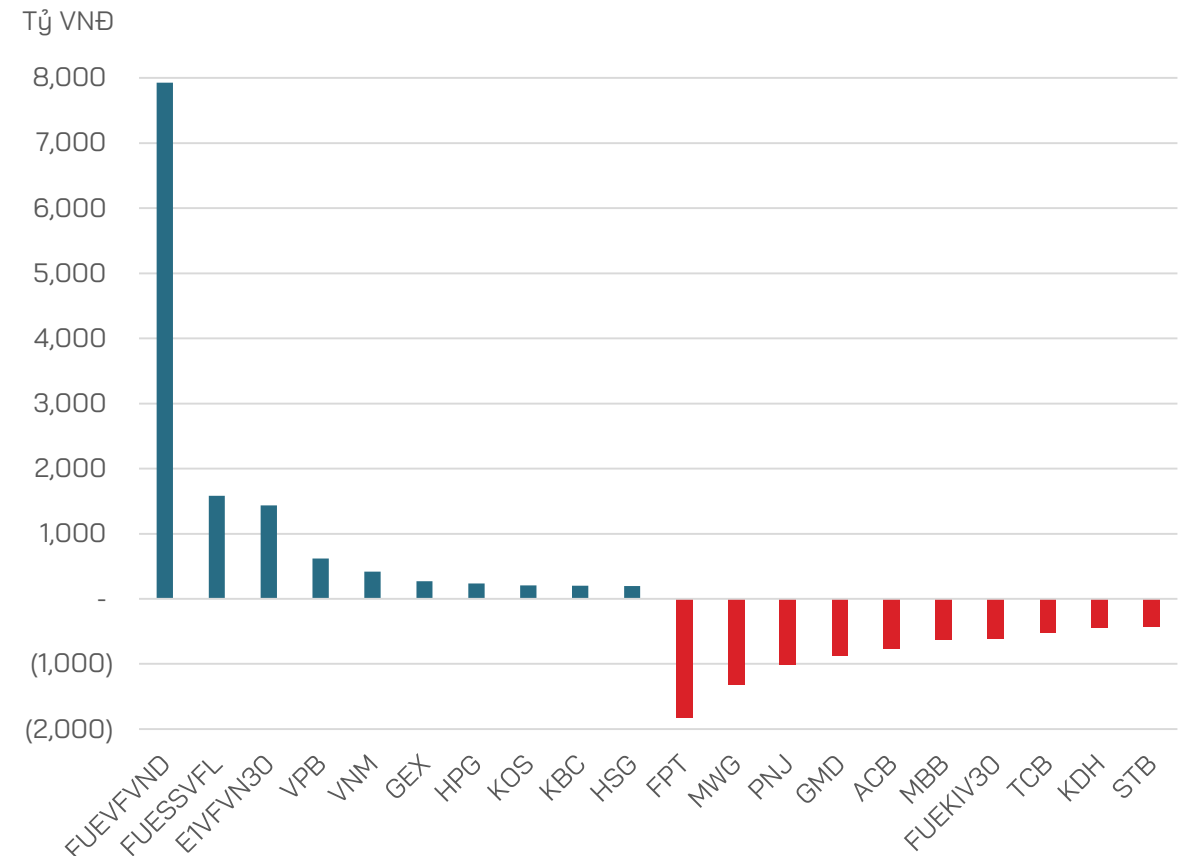
13. Khối ngoại và Tự doanh bán ròng mạnh nhóm Bất động sản và Công nghệ

- **Khối ngoại:** bán ròng mạnh nhóm bất động sản (VHM, VRE, VIC) và nhóm công nghệ (chủ yếu FPT), trong khi đó mua ròng nhóm bán lẻ (MWG, PNJ) và nhóm ngân hàng (MSB, MBB, EIB)
- **Tự doanh:** bán ròng mạnh nhóm công nghệ (chủ yếu FPT) và bán lẻ (MWG, PNJ), trong khi đó mua ròng các quỹ ETF (FUEVFNVD, FUESSVFL, E1VFN30) và nhóm Thép (HPG, HSG)

Top cổ phiếu mua bán ròng của Khối ngoại, 6 tháng đầu năm



Top cổ phiếu mua bán ròng của Tự doanh, 6 tháng đầu năm



Nguồn: HDS tổng hợp



VĨ MÔ TOÀN CẦU
DẪN CÓ ĐIỂM SÁNG
NHƯNG VẪN CÒN NHIỀU RỦI RO

World Bank nâng kỳ vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024

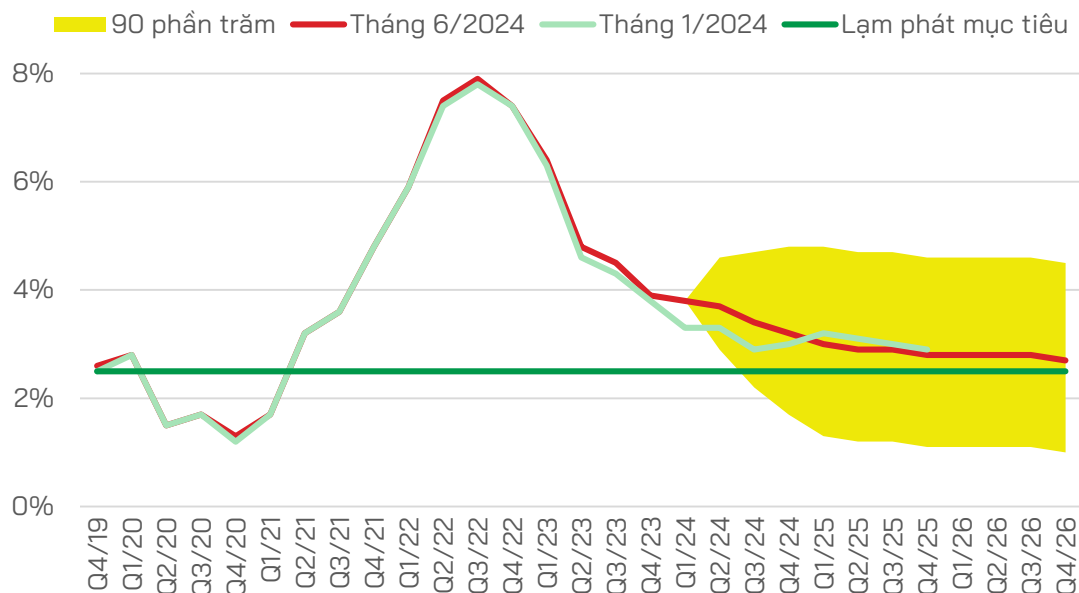
- Báo cáo tháng 6, Ngân hàng Thế giới (WB) đã nâng kỳ vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 lên 2.6%, tăng so với mức dự báo 2.4% hồi tháng 01/2024.
- Trong giai đoạn 2025-2026, tăng trưởng sẽ tăng tốc lên 2.7%/năm. Con số này thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3.1% được ghi nhận trong thập kỷ trước đại dịch COVID-19.
- Dự báo cho rằng trong giai đoạn 2024-2026, các quốc gia chiếm hơn 80% dân số thế giới và GDP toàn cầu sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm hơn so với thập kỷ trước đại dịch.
- Ở các nền kinh tế mới nổi, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm trong giai đoạn 2024-2025 dự kiến là 4%, thấp hơn một chút so với năm ngoái. Tăng trưởng ở các nước thu nhập thấp sẽ tăng tốc lên 5% trong năm nay, so với mức 3,8% vào năm 2023.
- Ở các nước phát triển, nền kinh tế dự kiến sẽ tăng trưởng 1.5% vào năm 2024 và 1.7% vào năm 2025.
- Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại ở mức 3.5% vào năm 2024 và 2.9% vào năm 2025. Tuy nhiên, sự suy yếu này không đáng kể như dự đoán sáu tháng trước. Do đó, các NHTW ở nhiều quốc gia dự kiến sẽ tiếp tục hành động thận trọng trong việc cắt giảm lãi suất chủ chốt.
- Lãi suất toàn cầu có khả năng vẫn ở mức cao so với những thập kỷ gần đây và trung bình khoảng 4% mỗi năm trong giai đoạn 2025-2026, cao gấp đôi mức trung bình trong giai đoạn 2000-2019.

Tăng trưởng GDP	2021	2022	2023e	2024f	2025f	2026f	Biểu đồ
Toàn cầu	6.3	3.0	2.6	2.6	2.7	2.7	
Các nước phát triển	5.5	2.6	1.5	1.5	1.7	1.8	
US	5.8	1.9	2.5	2.5	1.8	1.8	
EU	5.9	3.4	0.5	0.7	1.4	1.3	
Nhật Bản	2.6	1.0	1.9	0.7	1.0	0.9	
Mới nổi và đang phát triển	7.3	3.7	4.2	4.0	4.0	3.9	
Nga	5.9	-1.2	3.6	2.9	1.4	1.1	
Ukraine	3.4	-28.8	5.3	3.2	6.5	5.1	
Trung Quốc	8.4	3.0	5.2	4.8	4.1	4.0	
Ấn Độ	9.7	7.0	8.2	6.6	6.7	6.8	
Brazil	4.8	3.0	2.9	2.0	2.2	2.0	
Nam Phi	4.7	1.9	0.6	1.2	1.3	1.5	
Indonesia	3.7	5.3	5.0	5.0	5.1	5.1	
Malaysia	3.3	8.7	3.7	4.3	4.4	4.3	
Philippines	5.7	7.6	5.6	5.8	5.9	5.9	
Thailand	1.6	2.5	1.9	2.4	2.8	2.9	
Việt Nam	2.6	8.0	5.0	5.5	6.0	6.5	

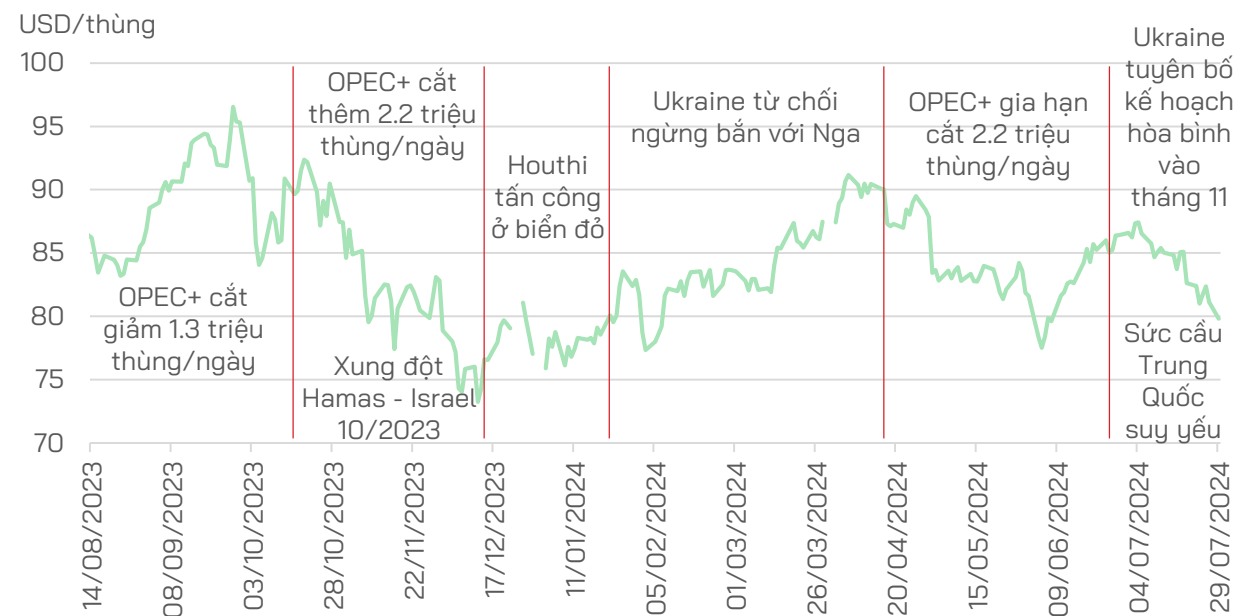
Lạm phát toàn cầu dần hạ nhiệt nhưng vẫn còn nhiều thách thức

- **Lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm nhưng tốc độ giảm sẽ chậm hơn so với trước đây, dự kiến khoảng 3.5% trong năm nay.** Trong năm 2024, lạm phát vẫn duy trì trên mức lạm phát mục tiêu ở hầu hết các quốc gia phát triển và khoảng 25% các quốc gia mới nổi & đang phát triển.
- **Rủi ro cần thận trọng trong nửa cuối năm 2024 là lạm phát kéo dài nếu các yếu tố sau vẫn còn tồn đọng:**
 - (1) Giá dầu thô đã tăng trở lại trên 85 USD/thùng từ tháng 6 do những rủi ro địa chính trị ở Trung Đông tiếp diễn, nhưng dần hạ nhiệt từ cuối tháng 7 do những lo ngại về sức cầu yếu từ nền kinh tế Trung Quốc;
 - (2) Giá cước vận chuyển tăng cao do việc vận chuyển qua kênh đào Suez tiếp tục bị gián đoạn;
 - (3) Giá hàng hoá tiếp tục tăng như giá đồng và các kim loại công nghiệp khác đã tăng trở lại mức cao nhất sau đại dịch Covid-19 năm 2021;
 - (4) Giá nhà ở và chi phí thuê nhà cao hơn ở Mỹ và một số nền kinh tế khác trên thế giới cũng góp phần gây ra lạm phát kéo dài.

Dự báo CPI toàn cầu của World Bank

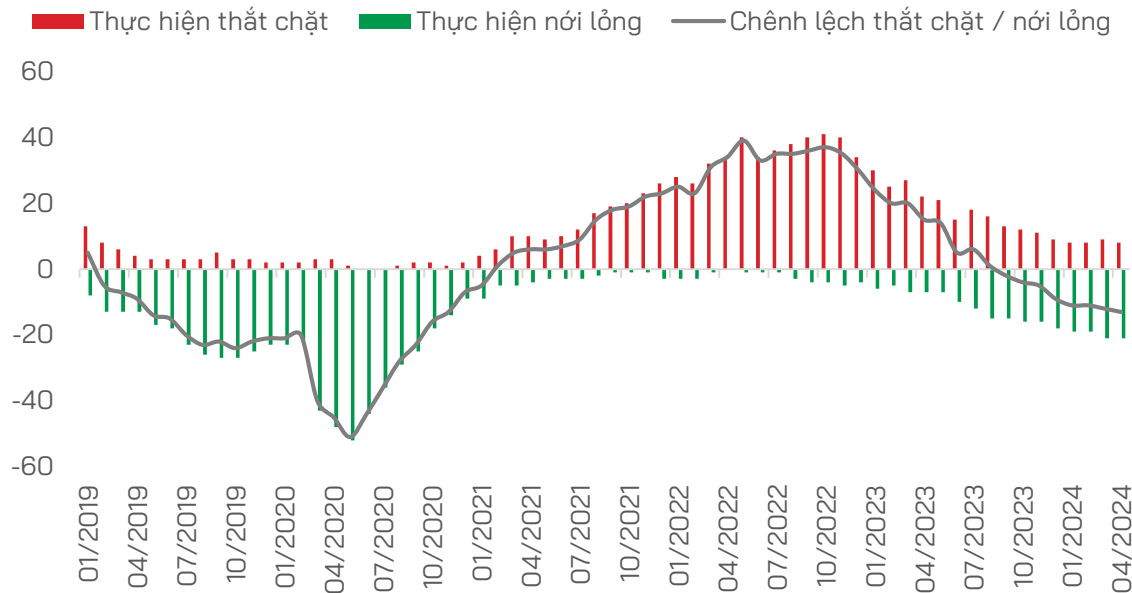


Giá dầu thô

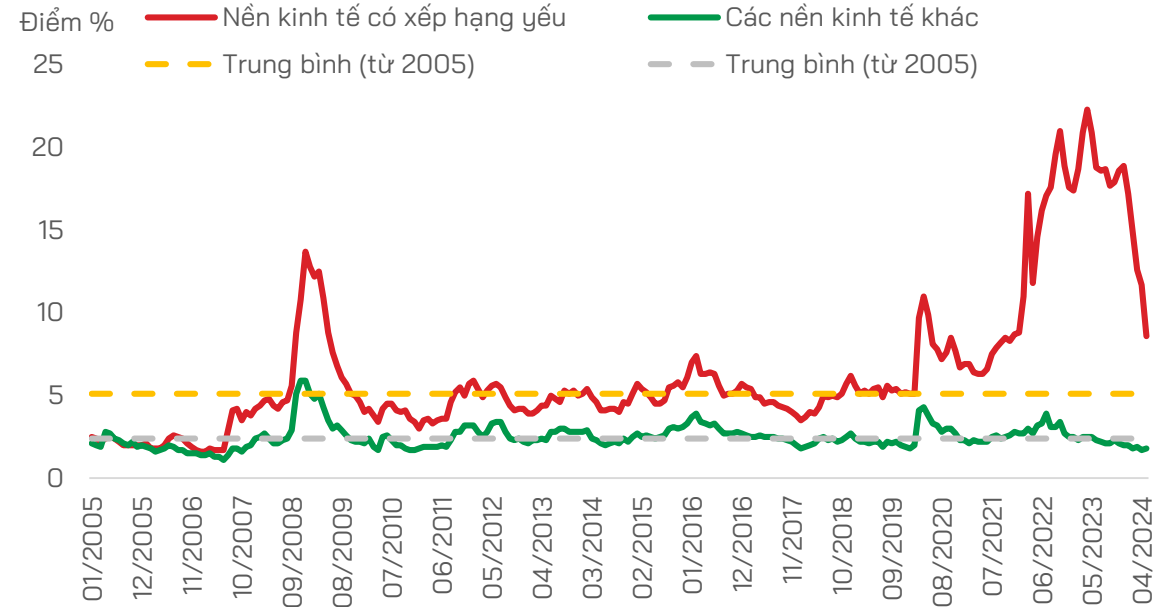


- **Số lượng quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ nới lỏng so với quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ thắt chặt đang tăng lên.** Mặc dù lãi suất được duy trì ở mức cao nhưng điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng bớt thắt chặt hơn kể từ năm 2023. Nhiều quốc gia trên thế giới dự kiến sẽ bắt đầu hạ lãi suất chính sách trong năm nay. Tuy nhiên, các Ngân hàng Trung ương sẽ khá thận trọng trong tiến trình nới lỏng chính sách tiền tệ và tốc độ giảm có thể chậm vì nhiều nền kinh tế vẫn giữ được tăng trưởng kinh tế mạnh trong bối cảnh lạm phát cao.
- **Ở các quốc gia mới nổi và đang phát triển, điều kiện tiền tệ cũng được nới lỏng hơn kể từ đầu năm 2024,** cho thấy sự kỳ vọng tích cực của các quốc gia này đối với chính sách tiền tệ của các quốc gia phát triển (Fed và ECB). Tuy nhiên, các điều kiện trở nên ít thuận lợi hơn vào đầu quý 2, khi dòng tiền tìm trú ẩn an toàn và kỳ vọng giảm sút về việc cắt giảm lãi suất của Mỹ làm USD tăng giá đáng kể tạo một đợt dòng tiền rút khỏi danh mục đầu tư trái phiếu và cổ phiếu. Tuy nhiên, chênh lệch lãi suất trái phiếu chính phủ vẫn có xu hướng giảm xuống dưới mức 2010-2019 tại phần lớn các nước thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDE), báo hiệu sự tự tin của nhà đầu tư rằng rủi ro căng thẳng tài chính đã được kiểm chế rộng rãi. Ngược lại, chênh lệch lãi suất vẫn ở mức cao trong số các EMDE có xếp hạng tín dụng yếu (từ Caa+/CCC+ trở xuống), ngay cả khi chúng đã giảm đáng kể trong năm nay.

Số lượng NHTW thực hiện chính sách thắt chặt và nới lỏng



Sovereign spreads của EMDEs theo xếp hạng tín dụng

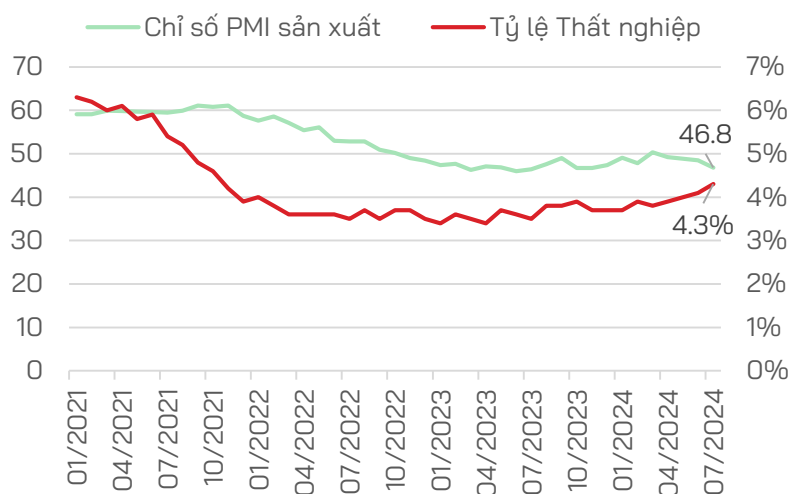


Nguồn: Moody's Analytics; World Bank

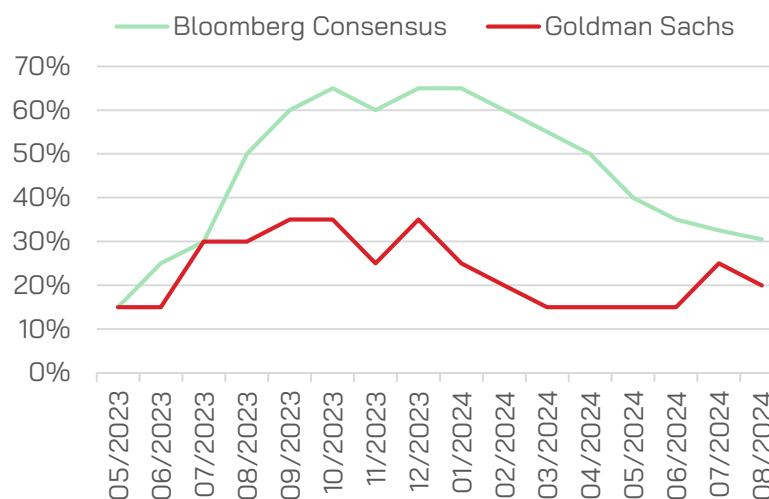
Sovereign spreads: Chênh lệch lợi suất trái phiếu do quốc gia đó phát hành trên thị trường quốc tế so với lợi suất trái phiếu do các chính phủ có xếp hạng AAA

- Chính phủ Mỹ vẫn bảo thủ về khả năng hạ lãi suất nửa đầu năm.** Sau gần hai năm thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát và đưa lạm phát của nền kinh tế Hoa Kỳ về mức mục tiêu 2%. Trong năm 2024, nhà đầu tư kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ có những thay đổi lớn trong điều hành chính sách tiền tệ với kỳ vọng bắt đầu hạ lãi suất. Tuy nhiên, đi gần 2/3 quãng đường năm 2024 nhưng Fed vẫn giữ quan điểm bảo thủ để kiểm soát lạm phát, trong cuộc họp vào thứ Tư (ngày 31/7) Fed vẫn giữ nguyên lãi suất ở mức hiện tại và vẫn đề ngỏ khả năng cắt giảm lãi suất trong thời gian tới.
- Việc chậm trễ hạ lãi suất dẫn đến kinh tế suy yếu và tỷ lệ thất nghiệp gia tăng.** Báo cáo tình hình việc làm của Hoa Kỳ trong tháng 7 cho thấy mức tăng lương phi nông nghiệp thấp hơn đáng kể so với dự kiến và tỷ lệ thất nghiệp tăng đáng kể từ 4.1% lên 4.3%. Đồng thời, chỉ số Nhà quản lý mua hàng sản xuất (PMI) tháng 7 giảm xuống 46.8 thấp hơn kỳ vọng.
- Goldman Sachs đầu tháng 8/2024 đã tăng rủi ro suy thoái trong 12 tháng tới từ 15% lên 25%.** Goldman đã trích dẫn sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp rằng "ngay cả mức tăng khiêm tốn như vậy cũng là một chỉ báo suy thoái đáng tin cậy trong lịch sử chu kỳ kinh doanh của Mỹ sau chiến tranh" - như Sahn Rule.
- Xác suất suy thoái được xoa dịu nhưng vẫn có nhiều biến số theo dõi.** Mặc dù, các dữ liệu công bố gần đây cho thấy số đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm về mức bình thường và dữ liệu bán lẻ cũng tốt hơn dự kiến, rủi ro suy thoái kinh tế Mỹ có phần được xoa dịu. Goldman Sachs đã hạ mức đánh giá về khả năng suy thoái kinh tế Mỹ từ 25% xuống 20%, tuy nhiên đây vẫn là điểm cần theo dõi cùng với tín hiệu cắt giảm lãi suất các tháng cuối năm 2024 của Fed.

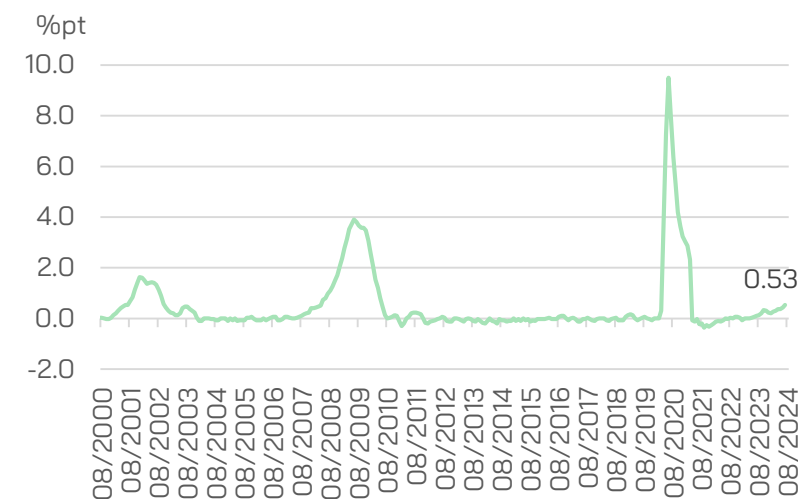
Chỉ số sản xuất và Tỷ lệ thất nghiệp



Khả năng suy thoái kinh tế Mỹ



Chỉ số suy thoái kinh tế theo Sahn Rule (*)

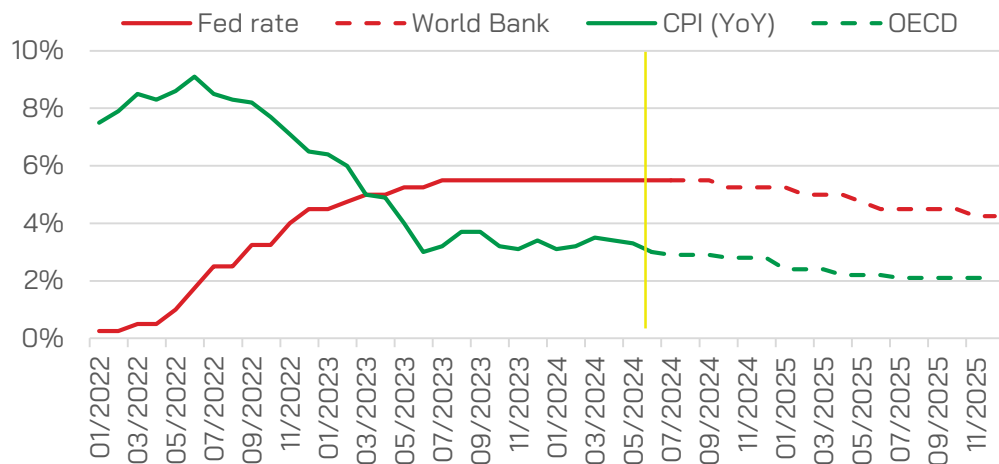


Nguồn: Bloomberg, Goldman Sachs, ISM, Sahn Claudia, FRED

Sahn Rule báo hiệu sự khởi đầu của suy thoái khi trung bình động 3 tháng của tỷ lệ thất nghiệp tăng 0.50 điểm phần trăm trở lên so với mức tối thiểu của trung bình 3 tháng của 12 tháng trước

- Lạm phát giảm dần sẽ giúp Fed có đủ tự tin để bắt đầu cắt giảm lãi suất dần dần vào cuối năm và sang năm 2025**, hỗ trợ đà tăng trưởng cho nền kinh tế Mỹ. Ngoài ra, chuỗi cung ứng toàn cầu và dòng chảy thương mại toàn cầu đã chứng tỏ khả năng phục hồi trước đợt áp thuế đầu tiên từ nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của Trump. Hơn nữa, nền kinh tế toàn cầu nói chung đã điều chỉnh tốt trước sự gia tăng mạnh mẽ của lãi suất trong 3 năm qua. Tuy nhiên, cần theo dõi những rủi ro chính sách tiềm ẩn cũng như những tác động đến lạm phát, lãi suất và nền kinh tế nói chung. Những lo ngại về khoản nợ tài chính ngày càng tăng của chính phủ Mỹ, gây ra sự biến động không mong muốn đối với lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ dài hạn và đồng USD. Các báo cáo CPI và PCE mới nhất của Mỹ mang lại kỳ vọng Fed giảm lãi suất 2 lần trong năm nay, trong đó đợt giảm đầu tiên diễn ra vào tháng 9. Trong khi đó, các nhà hoạch định chính sách tiền tệ thuộc Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) của Fed dự báo chỉ có 1 lần giảm lãi suất trong năm 2024.
- Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ vào tháng 11/2024 sẽ là tâm điểm chú ý cuối năm.** Số phiếu thăm dò ý kiến dành cho cựu Tổng thống Donald Trump rất cao sau Đại hội toàn quốc của Đảng Cộng hòa. Nếu Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ, có khả năng những thay đổi được đề xuất của ông đối với chính sách thuế, chính sách thương mại và chính sách nhập cư sẽ được mở rộng, và có thể gây ra các hệ quả cho tình trạng lạm phát. Việc gia hạn cắt giảm thuế sẽ giúp làm gia tăng hoạt động chi tiêu, mua sắm, và kinh doanh của thị trường Mỹ. Tuy nhiên, việc áp nhiều mức thuế lên Trung Quốc và phần còn lại của thế giới sẽ khiến cho chi phí nhập khẩu cao hơn, cũng như chi phí hàng hoá và dịch vụ gia tăng theo. Việc siết chặt nhập cư và khả năng hồi hương của những người nhập cư trái phép sẽ ảnh hưởng tới thị trường lao động.

CPI của Mỹ và Lãi suất của Fed



Chính sách có thể nếu Donald Trump đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ thứ 2

Thuế

Gia hạn Đạo luật cắt giảm thuế và việc làm hết hiệu lực năm 2025

Chi tiêu bán lẻ và kinh doanh cao hơn

Thương mại

Mức thuế chung 10% và 60% hàng nhập khẩu từ Trung Quốc

Giá nhập khẩu và chi phí hàng hóa cao hơn

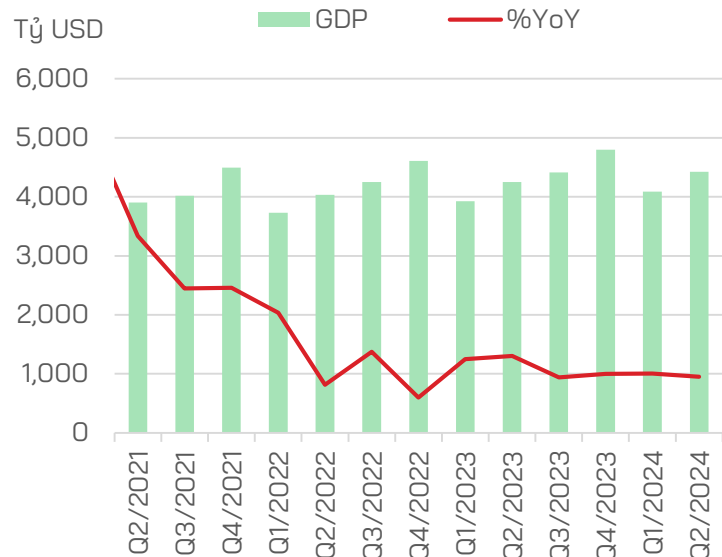
Nhập cư

Kiểm soát nhập cư và kế hoạch trục xuất những người nhập cư bất hợp pháp

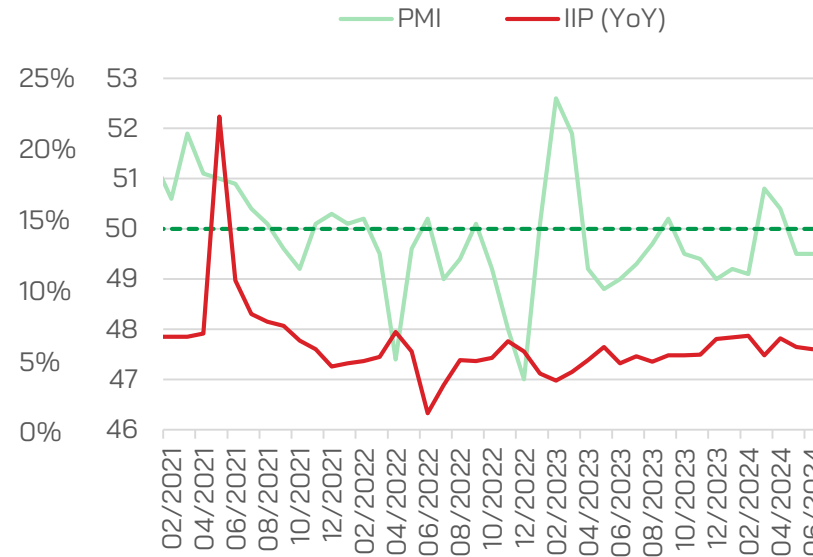
Siết chặt thị trường lao và tăng tiền lương

- **Ngành bất động sản Trung Quốc tiếp tục trải qua quá trình tái cơ cấu nợ đầy khó khăn**, khi cả doanh số bán nhà và giá nhà tiếp tục giảm, cùng với một số chỉ số của lĩnh vực bất động sản ngày một xấu đi.
- **Chỉ số PMI sản xuất tháng 6 đã quay trở lại mức 49.5.** Tăng trưởng cung tiền M1 của Trung Quốc cũng rơi vào mức âm tháng 5, ghi nhận -4.2% so với cùng kỳ. Điều này hàm ý sự thiếu tin tưởng đối với người tiêu dùng và doanh nghiệp khi nắm giữ tiền mặt trong các công cụ thanh khoản thấp hơn. Đồng Nhân dân Tệ cũng đã suy yếu dần so với USD trong suốt cả năm, khi tỷ giá USD/CNY tăng từ khoảng 7.10 vào tháng 1 lên mức 7.30 ở hiện tại.
- **Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều biện pháp kích thích khác nhau để củng cố nền kinh tế.** Cụ thể, đối với lĩnh vực bất động sản, một loạt biện pháp kích thích được đưa ra trong quý 2 nhằm giải quyết cả nhu cầu yếu cũng như giảm bớt vấn đề nguồn cung dư thừa. Nhiều hạn chế về việc trả trước đã được nới lỏng ở các thành phố trọng điểm, và các chương trình cho thuê lại đã được đưa ra để giải quyết các căn hộ còn "ế".
- **Kỳ vọng các biện pháp kinh tế mạnh mẽ khác nhau của Chính phủ sẽ giúp làm ổn định tăng trưởng kinh tế Trung Quốc**, và giúp đảm bảo tăng trưởng GDP sẽ đạt được mục tiêu 5% vào năm 2024. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) cũng đang cố gắng hết sức để ổn định đồng nhân dân Tệ.

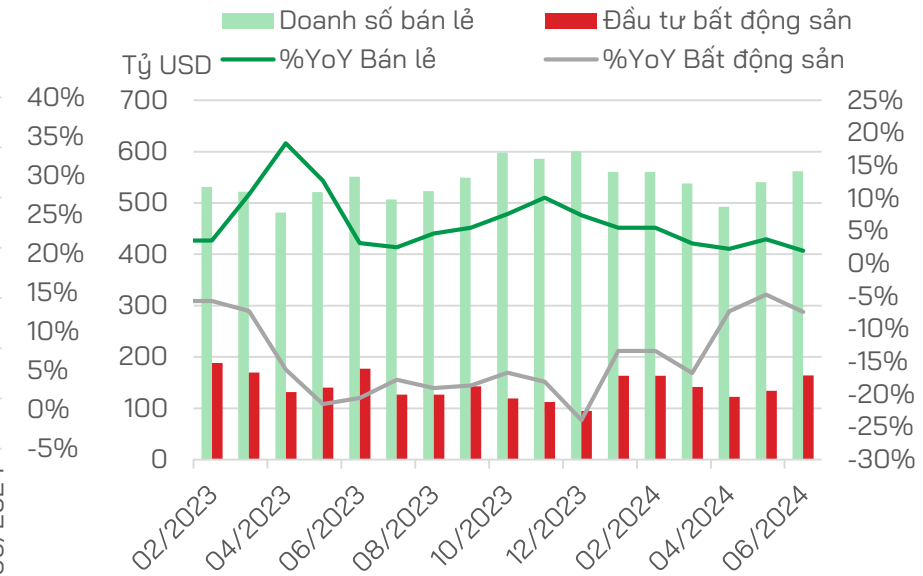
GDP của Trung Quốc



Chỉ số PMI và IIP



Doanh số bán lẻ và Đầu tư Bất động sản





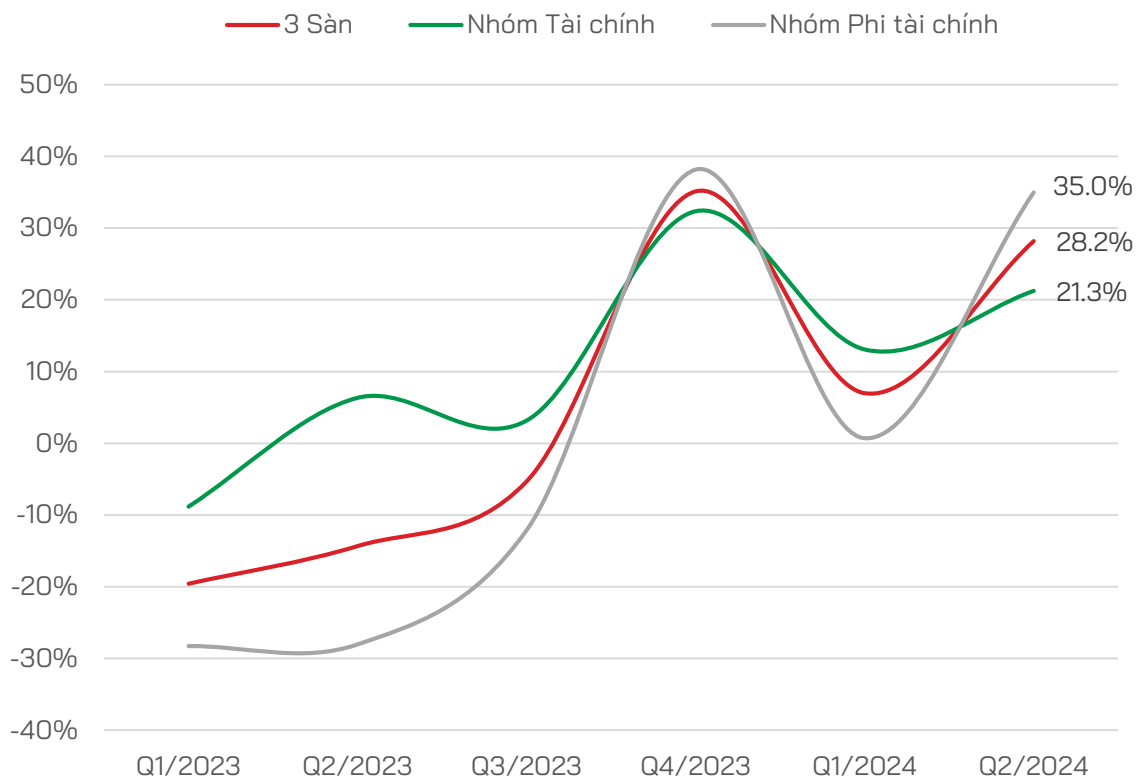
TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

CƠ HỘI NỬA CUỐI NĂM

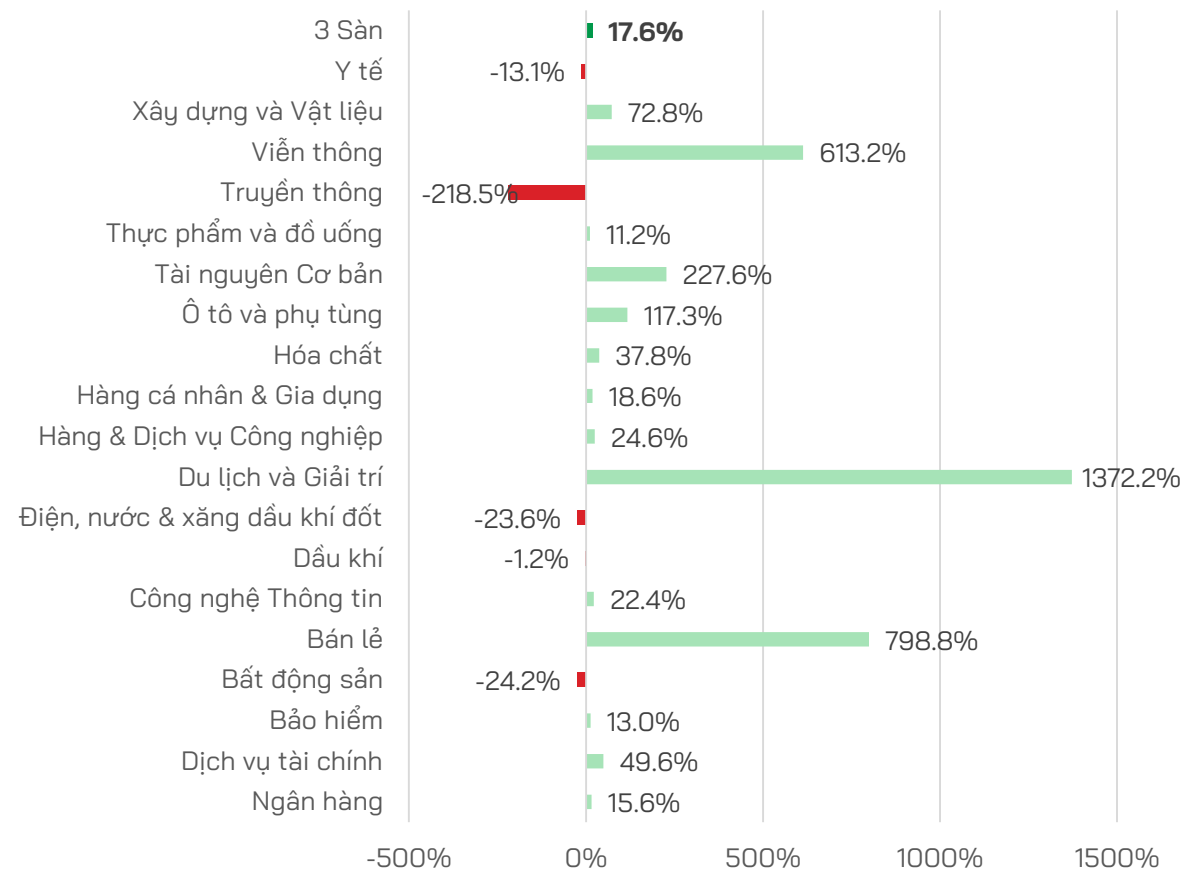
Lợi nhuận của toàn thị trường tăng trưởng tích cực

- **Thống kê 1,125 doanh nghiệp (đại diện 99% tổng giá trị vốn hóa cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM) công bố Kết quả kinh doanh Quý 2/2024**, Lợi nhuận sau thuế (LNST) Quý 2/2024 của 1,125 doanh nghiệp này tăng +28.2% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó nhóm Phi tài chính cải thiện mạnh đạt +35.0%YoY và nhóm Tài chính tăng +21.3%YoY.
- **Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, LNST của 1,125 doanh nghiệp tăng 17.6%**. Trong đó, nhóm Phi tài chính tăng +18.0%YoY và nhóm Tài chính tăng 17.1%YoY.

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế thị trường



Tăng trưởng lợi nhuận 6T.2024 so với cùng kỳ



Nhóm Tài chính đang giao dịch với mức P/E thấp hơn nhóm Phi tài chính

Xét trên cả 3 sàn, Nhóm Tài chính (đáng chú ý nhất là nhóm Ngân hàng) đang giao dịch ở mức P/E khoảng 10.2 lần thấp hơn mức trung bình thị trường (14.6 lần) và Nhóm Phi tài chính (19.1 lần).

STT	Phân ngành	Số Mã	Vốn hóa (Tỷ VND)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	6T.2023	6T.2024	P/E đầu năm	P/E Q2/2024
1	Ngân hàng	27	2,111,530	-4.4%	-1.6%	-1.4%	25.7%	9.6%	21.8%	-3.1%	15.6%	9.5	9.6
2	Dịch vụ tài chính	43	261,619	-60.2%	4203.1%	139.9%	7379.2%	101.9%	17.1%	5.3%	49.6%	20.8	18.4
3	Bảo hiểm	12	71,218	6.7%	108.6%	42.1%	18.0%	14.0%	12.0%	39.9%	13.0%	12.2	12.4
4	Bất động sản	103	858,408	44.2%	50.4%	-32.2%	1.7%	-61.6%	17.6%	47.1%	-24.2%	14.2	16.5
5	Bán lẻ	22	158,909	-87.2%	-96.3%	-67.7%	-66.3%	383.2%	3020.8%	-90.8%	798.8%	97.5	44.5
6	Công nghệ Thông tin	20	214,794	-0.3%	6.7%	17.2%	29.1%	19.9%	24.7%	3.1%	22.4%	16.4	23.2
7	Dầu khí	10	192,851	-11.5%	-72.9%	828.6%	-8.4%	5.5%	-8.0%	-58.4%	-1.2%	10.7	14.0
8	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	114	473,043	-7.9%	-26.5%	-41.2%	-27.1%	-47.5%	3.8%	-17.6%	-23.6%	14.0	18.1
9	Du lịch và Giải trí	31	125,433	20.0%	-44.7%	-82.0%	-39.5%	1030.9%	207.3%	-11.7%	1372.2%	-25.4	33.3
10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	151	560,640	-21.5%	11.5%	-4.6%	-8.9%	49.5%	11.6%	-2.6%	24.6%	13.4	16.1
11	Hàng cá nhân & Gia dụng	53	92,334	-36.0%	-51.8%	-39.3%	18.3%	1.9%	39.4%	-44.2%	18.6%	14.1	15.3
12	Hóa chất	54	273,294	-69.1%	-73.5%	-64.1%	2.3%	6.6%	82.3%	-71.1%	37.8%	16.4	19.4
13	Ô tô và phụ tùng	14	18,283	-66.2%	-54.2%	-57.6%	-18.7%	114.8%	119.7%	-60.8%	117.3%	21.8	17.1
14	Tài nguyên Cơ bản	81	276,638	-86.4%	-80.9%	77.8%	77.9%	150.9%	322.7%	-84.4%	227.6%	29.9	18.3
15	Thực phẩm và đồ uống	108	716,749	-34.0%	-10.8%	-10.0%	52.8%	14.1%	9.0%	-22.4%	11.2%	17.3	19.9
16	Truyền thông	31	60,101	-18.0%	69.1%	190.2%	2.6%	33.4%	-480.5%	1144.9%	-218.5%	228.4	-562.6
17	Viễn thông	5	258,936	-40.2%	-133.1%	-13.1%	91.5%	95.2%	342.6%	-83.8%	613.2%	28.4	33.9
18	Xây dựng và Vật liệu	206	248,685	-75.8%	-42.8%	-2.5%	91.9%	143.7%	43.4%	-59.2%	72.8%	24.2	18.7
19	Y tế	40	57,699	41.0%	31.3%	-7.6%	7.3%	-14.7%	-11.4%	35.9%	-13.1%	13.0	15.6
3 Sàn		1,125	7,031,163	-19.6%	-14.3%	-5.3%	35.1%	7.0%	28.2%	-17.0%	17.6%	13.7	14.6
Nhóm Tài chính		82	2,444,368	-8.8%	6.3%	3.2%	32.4%	13.1%	21.3%	-1.9%	17.1%	10.2	10.2
Nhóm Phi tài chính		1,043	4,586,796	-28.3%	-28.1%	-12.1%	38.2%	0.7%	35.0%	-28.2%	18.0%	17.3	19.1

Lợi nhuận của các doanh nghiệp sàn HOSE gần chạm mức kỳ vọng

- **Thống kê 398 doanh nghiệp (đại diện 100% tổng giá trị vốn hóa HOSE) công bố Kết quả kinh doanh Quý 2/2024**, LNST của 398 doanh nghiệp này tăng +23.6% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó nhóm Phi tài chính tăng mạnh +28.4%YoY và nhóm Tài chính tăng +20.0%YoY.
- **Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, LNST của 398 doanh nghiệp tăng 14.3%**. Trong đó, nhóm Phi tài chính tăng +11.0%YoY và nhóm Tài chính tăng 16.8%YoY.

STT	Phân ngành	Số Mã	Vốn hóa (Tỷ VND)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	6T.2023	6T.2024	P/E đầu năm	P/E Q2/2024
1	Ngân hàng	18	2,054,812	-4.6%	0.4%	-0.4%	27.5%	10.9%	20.7%	-2.2%	15.8%	9.4	9.5
2	Dịch vụ tài chính	20	210,363	-60.0%	85.1%	148.9%	4695.7%	95.3%	11.4%	-21.0%	42.5%	20.2	18.4
3	Bảo hiểm	5	46,518	4.7%	42.1%	22.2%	15.0%	14.4%	5.8%	20.1%	10.2%	13.5	14.4
4	Bất động sản	59	731,087	48.3%	77.7%	-32.5%	-5.6%	-70.3%	19.6%	60.6%	-28.7%	13.6	16.0
5	Bán lẻ	10	145,476	-90.3%	-104.0%	-80.1%	-77.7%	524.1%	2589.5%	-96.0%	1865.5%	166.1	48.0
6	Công nghệ Thông tin	8	213,336	-0.4%	9.3%	16.4%	32.3%	21.8%	24.3%	4.4%	23.1%	16.4	23.2
7	Dầu khí	2	77,712	95.8%	505.7%	524.8%	-34.7%	78.2%	33.9%	1006.1%	51.9%	16.5	17.2
8	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	36	367,366	-0.9%	-24.7%	-50.3%	-29.5%	-57.3%	-28.6%	-13.4%	-44.2%	14.0	21.6
9	Du lịch và Giải trí	9	116,882	16.8%	-48.2%	-87.1%	-35.4%	1301.8%	172.3%	-16.7%	937.3%	-21.7	33.7
10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42	138,323	-45.7%	35.3%	-4.4%	-25.2%	47.8%	1.4%	-6.0%	15.0%	12.3	12.9
11	Hàng cá nhân & Gia dụng	21	66,910	-23.9%	-36.2%	-37.2%	17.7%	8.6%	28.3%	-29.6%	16.8%	14.5	15.7
12	Hóa chất	26	248,970	-64.2%	-66.5%	-57.0%	-29.8%	-1.7%	64.8%	-65.2%	27.3%	17.8	21.7
13	Ô tô và phụ tùng	9	16,647	-60.3%	-68.2%	-52.1%	-14.1%	93.5%	110.8%	-64.9%	102.5%	17.9	14.4
14	Tài nguyên Cơ bản	29	211,645	-91.3%	-69.1%	94.2%	71.0%	351.0%	162.1%	-83.9%	229.7%	26.2	15.8
15	Thực phẩm và đồ uống	33	458,101	-49.0%	-20.9%	-18.1%	111.1%	24.7%	4.1%	-35.0%	12.2%	19.8	20.4
16	Truyền thông	3	1,718	-5.6%	-43.8%	-87.1%	23.0%	110.3%	15.8%	-37.7%	38.4%	28.1	22.6
17	Xây dựng và Vật liệu	55	123,658	-79.0%	-25.0%	0.0%	327.6%	217.5%	38.9%	-57.5%	91.9%	21.0	14.9
18	Y tế	13	37,909	31.4%	10.4%	-19.3%	-5.1%	-23.5%	-19.9%	20.2%	-21.7%	13.3	16.5
VN-Index		398	5,267,433	-18.3%	-2.8%	-8.5%	33.5%	5.1%	23.6%	-11.2%	14.3%	13.1	13.6
Nhóm Tài chính		43	2,311,693	-8.3%	3.4%	3.2%	32.9%	13.6%	20.0%	-2.9%	16.8%	10.0	10.0
Nhóm Phi tài chính		355	2,955,740	-28.9%	-10.0%	-21.3%	34.4%	-6.6%	28.4%	-20.5%	11.0%	17.6	18.8

Nhóm VN30 tăng trưởng cải thiện tích cực so với quý trước

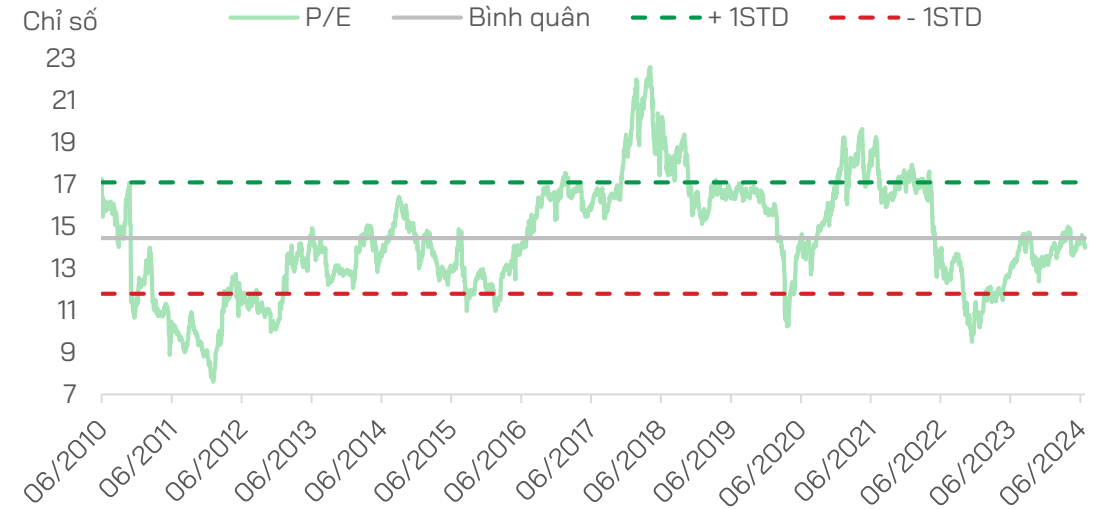
Kết quả kinh doanh nhóm VN30 trong Quý 2/2024 với LNST đạt 24.1%, cải thiện tích cực so với mức -2.8% của Quý 1/2024. Đa số các doanh nghiệp trong rổ VN30 đều có kết quả kinh doanh tăng trưởng trong Q2/2024, ngoại trừ VIB. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, nhóm VN30 tăng trưởng 10.3%YoY.

STT	Mã	Vốn hóa (Tỷ VND)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	6T.2023	6T.2024	PE trailing đầu năm	PE trailing Q2/2024
1	BCM	75,555	-81.0%	-102.5%	-16.8%	29416.6%	60.2%	1542.5%	-96.5%	950.4%	29.2	26.8
2	SSB	54,406	-18.6%	-37.3%	-5.9%	38.7%	40.7%	83.4%	-28.6%	60.7%	15.5	12.2
3	MSN	106,582	-76.8%	-64.7%	-42.4%	-35.7%	9.0%	120.4%	-72.1%	64.0%	49.3	46.2
4	VIC	161,741	15.1%	-27.7%	12.0%	20.6%	126.6%	71.0%	-7.1%	104.1%	79.2	51.6
5	VJC	57,357	-29.3%	-36.4%	30.4%	6.4%	212.1%	1599.6%	-5.8%	718.6%	164.8	42.7
6	PLX	58,320	50.8%	665.7%	284.3%	-46.0%	69.8%	42.9%	405.2%	54.5%	14.4	16.0
7	POW	31,498	-19.1%	-69.1%	-74.0%	-39.1%	-66.7%	148.5%	-40.2%	-19.8%	20.0	27.3
8	FPT	187,814	17.6%	18.8%	18.2%	26.6%	19.4%	23.0%	18.2%	21.2%	15.6	22.8
9	VNM	149,641	-16.5%	6.0%	9.1%	25.8%	15.8%	20.9%	-5.7%	18.6%	15.5	15.8
10	HDB	76,600	8.6%	-1.8%	15.9%	91.6%	46.5%	49.2%	3.1%	47.8%	6.1	6.4
11	VCB	498,547	12.9%	25.0%	19.9%	-5.8%	-4.5%	9.4%	18.0%	1.8%	15.0	15.5
12	VHM	159,805	152.3%	1203.0%	-26.4%	-90.0%	-92.4%	8.8%	296.0%	-46.9%	5.4	7.5
13	SAB	71,054	-18.8%	-32.5%	-23.0%	-10.2%	2.0%	9.0%	-26.9%	5.8%	17.0	16.7
14	GAS	183,510	-2.2%	-37.8%	-22.2%	-16.8%	-25.6%	6.9%	-23.4%	-9.9%	14.7	17.4
15	SHB	40,836	11.6%	-5.0%	-20.5%	21.0%	11.4%	16.6%	4.2%	13.5%	5.6	4.8
16	VPB	150,745	-81.5%	-26.2%	-31.5%	85.1%	90.4%	48.1%	-66.5%	65.2%	17.8	13.1
17	VIB	53,780	18.2%	7.4%	-3.9%	-14.2%	-7.1%	-28.6%	12.3%	-18.4%	6.1	7.1
18	HPG	173,978	-95.3%	-64.0%	112.0%	148.5%	648.7%	129.3%	-85.0%	238.0%	23.7	14.8
19	TCB	163,797	-19.2%	-23.4%	-13.0%	25.5%	38.3%	39.2%	-21.4%	38.8%	6.7	7.3
20	TPB	39,960	8.8%	-25.3%	-26.2%	-67.5%	3.5%	17.8%	-10.7%	10.3%	8.8	8.4
21	VRE	42,265	171.2%	29.4%	65.9%	34.9%	5.7%	2.1%	75.9%	3.9%	11.6	10.0
22	BID	271,341	52.8%	6.7%	-11.7%	48.9%	6.4%	17.7%	25.7%	12.1%	12.3	12.3
23	STB	54,671	49.1%	139.5%	34.9%	29.0%	11.1%	13.1%	84.1%	12.1%	7.3	6.9
24	ACB	109,656	25.8%	-2.0%	12.6%	39.6%	-5.6%	15.6%	10.7%	4.7%	6.2	6.6
25	CTG	171,840	2.8%	12.5%	17.3%	43.7%	3.5%	2.8%	7.6%	3.1%	8.4	9.1
26	GVR	132,000	-42.6%	-40.2%	-50.3%	8.0%	-14.0%	41.2%	-41.4%	12.6%	26.6	39.2
27	MBB	129,474	10.1%	3.9%	15.6%	40.1%	-11.2%	22.5%	7.0%	5.3%	5.4	6.0
28	BVH	32,365	9.1%	23.8%	12.7%	5.0%	12.9%	4.5%	15.0%	9.3%	16.7	17.6
29	MWG	93,270	-98.5%	-98.5%	-95.7%	-85.4%	4143.0%	6632.4%	-98.5%	5263.3%	392.1	46.4
30	SSI	47,991	-28.8%	34.7%	111.1%	119.9%	52.0%	49.6%	-5.1%	50.7%	22.5	17.6
VN30		3,580,398	-8.6%	3.7%	-1.0%	17.0%	-2.8%	24.1%	-3.0%	10.3%	12.0	12.6

VN-Index cuối năm 2024 kỳ vọng về vùng 1,298 - 1,362 điểm

- **Chúng tôi đánh giá, thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục có triển vọng tích cực đến cuối năm với yếu tố hỗ trợ như:** (1) kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết tích cực, (2) tỷ giá hạ nhiệt và kỳ vọng Fed sẽ giảm lãi suất khi số liệu lạm phát của Mỹ đã giảm gần mức mục tiêu; (3) NHNN đã có các biện pháp can thiệp bình ổn thị trường vàng giúp giá vàng trong nước đã hạ nhiệt; (4) Việt Nam tiếp tục là điểm sáng thu hút dòng vốn FDI và dịch chuyển sản xuất; (5) triển vọng Việt Nam được nâng hạng thị trường 2025.
- **Rủi ro từ các yếu tố địa chính trị thế giới như:** (1) Xung đột Nga-Ukraine và căng thẳng Trung Đông, tác động đến giá dầu và giá cước vận tải; (2) Phục hồi của Trung Quốc và (3) Lo ngại suy thoái kinh tế và Bầu cử Tổng thống Mỹ.
- **Theo quan điểm của chúng tôi, VN-Index cuối năm 2024 kỳ vọng ở mức 1,298-1,362 điểm, P/E forward của thị trường ước tính ở mức 12-13x với tăng trưởng kỳ vọng 12-17% cho cả năm.**

Chỉ số P/E của VN-Index

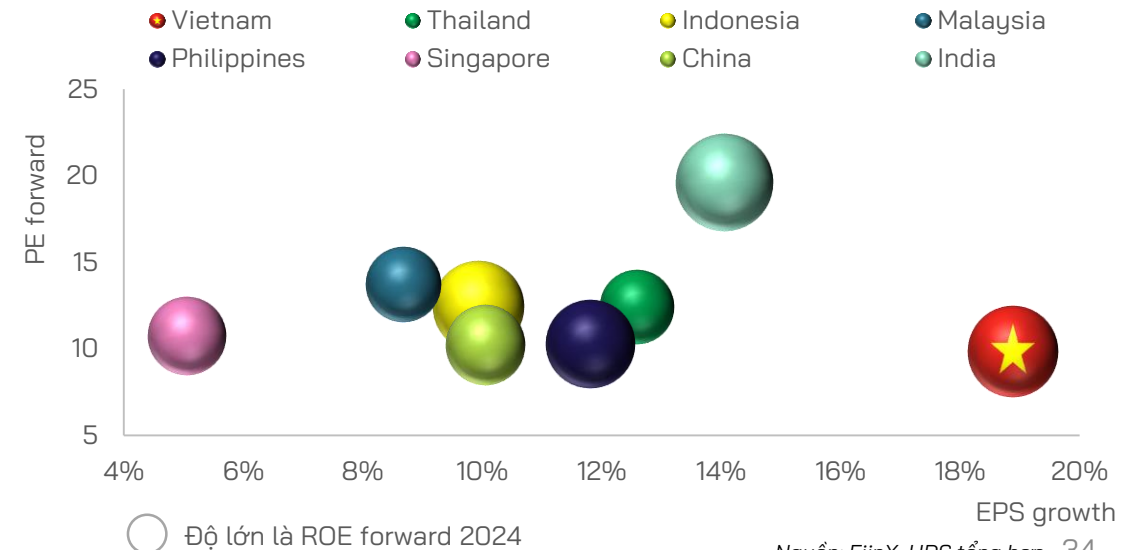


Kịch bản VN-Index

Tăng trưởng lợi nhuận

Fed rate	5.0%	10.0%	12.0%	15.0%	17.0%	20.0%	25.0%
4.35%	1,342	1,406	1,432	1,470	1,496	1,534	1,598
4.60%	1,297	1,361	1,387	1,426	1,451	1,490	1,554
4.85%	1,253	1,317	1,342	1,381	1,407	1,445	1,509
5.10%	1,208	1,272	1,298	1,336	1,362	1,401	1,465
5.35%	1,163	1,228	1,253	1,292	1,317	1,356	1,420
5.60%	1,119	1,183	1,209	1,247	1,273	1,311	1,375
5.85%	1,074	1,138	1,164	1,203	1,228	1,267	1,331

So sánh các thị trường trong khu vực



○ Độ lớn là ROE forward 2024

Ngành	Triển vọng	Cổ phiếu tiềm năng
Ngân hàng	Tăng trưởng tín dụng tín hiệu phục hồi từ tháng 6/2024, kỳ vọng tích cực cuối năm tạo động lực để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu của Chính phủ. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì mức thấp để hỗ trợ nền kinh tế. Tuy nhiên, nợ xấu vẫn là vấn đề đáng lưu tâm đối với hoạt động ngân hàng.	ACB, TCB
Thép	Ngành thép giai đoạn nửa cuối năm 2024 có triển vọng phục hồi nhờ xử lý hàng tồn kho từ dự án hạ tầng và thị trường bất động sản ấm dần lên. Trong đó, nhu cầu tiêu thụ nội địa đang có dấu hiệu hồi phục tốt khi tiêu thụ thép xây dựng, thép ống tăng lần lượt tăng. Bên cạnh đó, nhóm tôn mạ được hưởng lợi nhiều nhất trong trường hợp biện pháp chống bán phá giá thép mạ nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc (AD02).	HPG
Điện	Tiêu thụ điện trong năm 2024 được dự báo sẽ tăng trưởng khả quan so với mức nền thấp năm 2023. Thời tiết dần kết thúc El Nino (nắng nóng) chuyển sang La Nina (mưa nhiều) giúp nhóm thủy điện phục hồi. Bên cạnh đó, Quy hoạch điện 8 phê duyệt thúc đẩy phát triển nguồn điện và hệ thống điện trong nước.	REE
Cảng biển	Kinh tế toàn cầu hồi phục và kết quả xuất nhập khẩu của Việt Nam khá tích cực, tổng sản lượng container qua các cảng phục hồi mạnh mẽ.	VSC
Dầu khí	Sản xuất phục hồi gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu sản xuất, trong đó xu hướng chuyển đổi năng lượng xanh phát triển theo cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" (Net Zero) vào năm 2050, do đó nhu cầu sử dụng khí thiên nhiên (CNG và LNG) sẽ gia tăng trong tương lai.	CNG


Cổ phiếu tiềm năng

Mã	Vốn hóa (Tỷ VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND/cp)	Upside	Lợi nhuận ròng			%YoY so cùng kỳ		Luận điểm đầu tư
					Q1/24	Q2/24	6T.2024	Q2/24	6T.2024	
ACB	108,986	6.6	29,500	20.7%	3,905	4,469	8,374	15.6%	4.7%	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng có chất lượng tài sản tốt và tăng trưởng ổn định - Tiên phong hoàn thành chuẩn BASEL 3 và chiến lược thận trọng, dư nợ của nhóm bất động sản thấp, cũng không đầu tư trái phiếu doanh nghiệp - Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức thấp
TCB	157,456	7.3	27,400	21.8%	6,277	6,270	12,547	39.2%	38.8%	<ul style="list-style-type: none"> - Một trong những ngân hàng hàng đầu về số hóa và có CASA (tiền gửi không kỳ hạn) ở mức cao - Tăng trưởng tính dụng ở mức cao và tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức thấp - Các biện pháp tháo gỡ khó khăn thị trường bất động sản kỳ vọng giúp giảm áp lực từ cuối năm
HPG	164,703	14.8	32,800	26.2%	2,869	3,320	6,189	129.3%	238.0%	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường bất động sản trong nước có khả năng xác nhận đáy đã qua - Fed cắt giảm lãi suất để mở ra cơ hội cho nền kinh tế toàn cầu - Vẫn còn các rủi ro từ các sự kiện toàn cầu tiêu cực hoặc thị trường bất động sản trong nước
REE	32,830	15.9	75,600	8.0%	549	404	952	-35.3%	-43.2%	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án văn phòng Etown 6 bắt đầu mang về doanh thu từ tháng 7/2024 và dự án nhà ở thương mại Bồ Xuyên kỳ vọng ghi nhận vào Quý 3/2024 - La Nina được dự báo trở lại từ tháng 7/2024 và trong dài hạn hưởng lợi từ xu thế phát triển mạnh mẽ năng lượng tái tạo - Platinum Victory đăng ký mua 4 triệu cổ phiếu với giá 80,000 đồng, cao hơn 20% so với giá thị trường
VSC	5,109	17.9	23,400	23.2%	70	92	162	167.0%	109.4%	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phục hồi tích cực của hoạt động xuất nhập khẩu với lượng hàng hóa qua cảng Miền Bắc gia tăng - Nâng tỷ lệ sở hữu tại cảng Nam Hải Đình Vũ lên 100% trong năm 2024 - Ghi nhận lợi nhuận từ Cảng Nam Hải Đình Vũ và thoái vốn tại T.S Line
CNG	1,299	11.6	40,600	12.2%	1	45	46	221.4%	24.8%	<ul style="list-style-type: none"> - Xu hướng sử dụng LNG (khí thiên nhiên hóa lỏng) để thay thế khí tự nhiên nội địa đang thiếu hụt gia tăng - Việt Nam đang nhập khẩu khí LNG trong nửa đầu năm 2024, CNG sẽ đẩy mạnh LNG từ quý 3/2024, công ty đang xem xét hợp đồng mua khí LNG với PVGas giá trị hợp đồng tạm tính là 10,000 tỷ đồng và thời hạn 5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn


TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666


CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin về thị trường được cung cấp trên đây do Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích thu thập từ các nguồn được coi là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Việc cung cấp các thông tin này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, HDS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây vào hoạt động kinh doanh. Các thông tin trên đây hoàn toàn có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và HDS không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Bản tin này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.